

Dự thảo (lần1) ngày 29.8.2024

THÔNG TƯ

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, SỬ
DỤNG, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ**

(Kèm theo Tờ trình số 135/TTr -CĐBVN ngày 29-8-2024 của Cục ĐBVN)

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 4. Nguyên tắc và hồ sơ quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.....	4
Điều 5. Quản lý, bảo vệ đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ	5
Điều 6. Quản lý, bảo vệ phần đất được Nhà nước đền bù, thu hồi để xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng đường bộ	6
Điều 7. Tuân đường để quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.....	7
Điều 8 (Điều 7A cũ). Thời gian thực hiện tuân đường và chiều dài đoạn đường giao nhân viên tuân đường thực hiện.....	9
Điều 9 (Điều 8 cũ). Tuân kiểm đường bộ	11
Điều 10 (Điều 9 cũ). Trách nhiệm của nhà thầu, đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.....	12
Điều 11 (Điều 10 cũ). Trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của người quản lý, sử dụng đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ,.....	13
Điều 12 (Điều 10A cũ). Phương tiện, thiết bị, trang phục phục vụ tuân đường và tuân kiểm đường bộ.....	14
Điều 13 (Điều 11 cũ). Trách nhiệm về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của Doanh nghiệp dự án đối tác công tư, doanh nghiệp được Nhà nước giao, ký hợp đồng thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh khai thác, vận hành, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.....	14
Điều 14 (Điều 12 cũ). Vận hành, khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ và phương tiện, thiết bị, công nghệ phục vụ quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ	15
Điều 15 (khoản 2 Điều 12 cũ). Tài liệu quy định vận hành, khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ và phương tiện, thiết bị, công nghệ phục vụ quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ	16
Điều 16 (Điều 13 cũ). Khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ	17
Điều 17 (Điều 14 cũ). Trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ.....	18
Điều 18 (Điều 15 cũ). Nội dung công tác bảo trì thực hiện kết cấu hạ tầng đường bộ	19
Điều 19 (Điều 16 cũ). Nội dung và căn cứ lập quy trình bảo trì công trình đường bộ.....	20
Điều 20 (Điều 16A cũ). Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình đường bộ.....	20
Điều 21 (Điều 17 cũ). Phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ	21
Điều 22 (Điều 18 cũ). Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng	21

Điều 23 (Đ19 cũ). Sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì, quy trình bảo trì của công trình khác tương tự để thực hiện bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đang khai thác sử dụng.....	22
Điều 24 (Đ20 cũ). Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.....	22
Điều 25 (Đ21 cũ). Nguồn kinh phí quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ.....	26
Điều 26 (Đ21B cũ). Chi phí quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.....	27
Điều 27 (Đ22 cũ). Chế độ báo cáo.....	29
Điều 28 (Đ23 cũ). Chế độ bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ và thiết bị lắp đặt vào công trình kết cấu hạ tầng đường bộ	30
Điều 29 (Đ24 cũ). Các hình thức bảo dưỡng đối với kết cấu hạ tầng đường bộ	31
Điều 30 (Đ25 cũ). Ghi chép kết quả bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ.....	32
Điều 31 (Đ26 cũ). Giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện.....	33
Điều 32 (Đ 27 cũ). Nội dung, trình tự thực hiện sửa chữa công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.....	33
Điều 33 (Đ28 cũ). Thời sửa chữa định kỳ, thời hạn sử dụng công trình	34
Điều 34 (Đ29 cũ). Sử dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; quản lý chất lượng bảo trì công trình; bảo hành công trình	35
Điều 35 (Đ30 cũ). Tiêu chí và hồ sơ xác định điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ và điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ.....	37
Điều 36 (Đ31 cũ). Trình tự xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ.....	37
Điều 37 (Đ32 cũ). Trách nhiệm xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng	39
Điều 38 (Đ33 cũ). Nội dung xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng; công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế; phá dỡ công trình	40
Điều 39 (Đ34 cũ). Xử lý sự cố công trình kết cấu hạ tầng đường bộ trong thời gian khai thác sử dụng	40
Điều 40 (Đ35 cũ). Kiểm tra công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.....	41
Điều 41 (Đ36 cũ). Quan trắc công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.	41
Điều 42 (Đ37 cũ). Kiểm định chất lượng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.....	42
Điều 43 (Đ38 cũ). Đánh giá an toàn công trình.....	42
Điều 44 (Đ39 cũ). Trường hợp cấp giấy phép thi công trên đường bộ đang khai thác	43
Điều 45 (Đ40 cũ). Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác[16]	44

Điều 46 (Đ40.A cũ). Thẩm quyền cấp giấy phép thi công trên đường bộ đang khai thác, trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính và thời hạn cấp giấy phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.....	45
Điều 47 (Đ40B cũ). Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ	46
Điều 48 (Đ41 cũ). Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng .	47
Điều 49 (BS mới). Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ và đường tỉnh.....	48
Điều 50 (BS mới). Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác....	50
Điều 51 Cung cấp thông tin và phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thi công trên đường đang khai thác, thi công nút giao đầu nối.....	51
Điều 52 (Đ44). Hiệu lực thi hành.....	53
Điều 53 (Đ45 cũ). Tổ chức thực hiện	53

Số /20.../TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 20

DỰ THẢO 1

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định **chi tiết một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định **chi tiết một số nội dung** về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Kết cấu hạ tầng đường bộ* bao gồm: Công trình đường bộ; bến xe; bãi đỗ xe; trạm dừng nghỉ; điểm dừng xe, đỗ xe; đất của đường bộ; hàng lang an toàn đường bộ và các công trình phụ trợ khác phục vụ cho hoạt động đường bộ quy định khoản 4 Điều 2 Luật Đường bộ; các công trình phụ trợ phục vụ gắn liền với đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 22 và công trình an toàn giao thông quy định tại Điều 24 Luật Đường bộ.

2. *Công trình kết cấu hạ tầng đường bộ* (gọi tắt là công trình) bao gồm các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trừ đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ và hàng lang an toàn đường bộ.

3. *Bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường bộ* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác sử dụng. Nội dung bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường bộ có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình; bổ sung, thay thế hạng mục, thiết bị để việc khai thác sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ đảm bảo an toàn nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

4. *Quy trình bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường bộ* là tài liệu quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.

5. *Kết cấu hạ tầng đường bộ do Trung ương quản lý* bao gồm quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ và kết cấu hạ tầng đường bộ khác thuộc phạm vi quản lý.

6. *Kết cấu hạ tầng đường bộ do chính quyền địa phương quản lý* bao gồm các loại đường bộ quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Đường bộ và các kết cấu hạ tầng khác thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân các cấp.

7. *Kết cấu hạ tầng đường bộ chuyên dùng* bao gồm đường chuyên dùng và các loại kết cấu hạ tầng đường bộ khác do chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng đường bộ chuyên dùng quản lý.

8. *Doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ* là doanh nghiệp dự án đối tác công tư (PPP) và doanh nghiệp được Nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình đường bộ.

9. *Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ* là các tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ theo hợp đồng ký với cơ quan trực tiếp quản lý công trình đường bộ, cơ quan được nhà nước giao quản lý dự án bảo trì công trình đường bộ. Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ bao gồm: nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành, khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa công trình đường bộ và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

10. *Người quản lý, sử dụng đường bộ* là chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ, bao gồm:

a) Cơ quan quản lý đường bộ được Nhà nước giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Doanh nghiệp đối tác công tư trong thời hạn hợp đồng đối tác công tư đầu tư xây dựng, kinh doanh, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình đường bộ;

c) Doanh nghiệp được Nhà nước chuyển nhượng, cho thuê khai thác, sử dụng công trình đường bộ trong một thời hạn nhất định theo quy định của pháp luật về quản lý, khai thác, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ;

d) Doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước giao đầu tư xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng công trình đường bộ;

đ) Chủ sở hữu đường bộ chuyên dùng trong trường hợp chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu giao quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ;

e) Các trường hợp khác là chủ sở hữu trực tiếp quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ hoặc tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng, vận hành, khai thác công trình đường bộ.

11. *Tuần đường* là hoạt động tuần tra, kiểm tra để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ trên tuyến đường được giao quản lý.

12. *Nhân viên tuần đường* là cá nhân được đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ giao nhiệm vụ tuần đường.

13. *Đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ* là nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ hoặc đơn vị được giao tổ chức khai thác, bảo trì công trình đường bộ.

14. *Tuần kiểm đường bộ* là hoạt động kiểm tra, giám sát ***của người quản lý, sử dụng đường bộ*** đối với hoạt động tuần đường và kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đơn vị, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

15. *Vị trí nguy hiểm* là vị trí bao gồm điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông.

16. *Điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ* là vị trí, đoạn đường, nút giao đường bộ mà tại đó thường xảy ra tai nạn giao thông.

17. *Điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ* là vị trí, đoạn đường, nút giao đường bộ mà tại đó có thể xảy ra tai nạn giao thông.

18. *Đánh giá định kỳ về an toàn công trình kết cấu hạ tầng đường bộ* (sau đây gọi là đánh giá an toàn công trình) là hoạt động xem xét, đánh giá định kỳ khả

năng chịu lực và các điều kiện để công trình đường bộ được khai thác, sử dụng an toàn.

Điều 4. Nguyên tắc và hồ sơ quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ:

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật;
- b) Kết cấu hạ tầng đường bộ phải được quản lý, vận hành, khai thác sử dụng phải đúng mục đích; được bảo trì quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Các hư hỏng, sự cố mất an toàn phải được xử lý kịp thời để bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng;
- d) Được bảo vệ theo quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

2. Hồ sơ, tài liệu bàn giao sau khi hoàn thành dự án đầu tư xây dựng:

- a) Hồ sơ bảo trì công trình xây dựng theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- b) Quy trình, tài liệu, hướng dẫn và tài liệu khác quy định, hướng dẫn vận hành, khai thác, sử dụng các thiết bị lắp đặt vào công trình, thiết bị phục vụ vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ;
- c) Hồ sơ, tài liệu về thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông;
- d) Hồ sơ, tài liệu về phương án tổ chức giao thông giai đoạn đầu tư xây dựng công trình.

3. Hồ sơ, tài liệu bổ sung trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng công trình, bao gồm:

- a) Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, bản vẽ hoàn công các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất công trình;
- b) Kế hoạch bảo trì;
- c) Hồ sơ, tài liệu và kết quả kiểm tra, quan trắc, kiểm định, đánh giá an toàn công trình;
- d) Hồ sơ, tài liệu, nhật ký tuần đường, tuần kiểm đường bộ;
- đ) Hồ sơ, tài liệu điều chỉnh, bổ sung đối với: quy trình hướng dẫn vận hành, quy trình bảo trì công trình và các tài liệu cần thiết khác có liên quan được điều chỉnh, bổ sung trong thời gian vận hành, khai thác, sử dụng;
- e) Hồ sơ, tài liệu điều chỉnh, bổ sung về thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giao thông; hồ sơ, tài liệu điều chỉnh, bổ sung tổ chức giao thông trong quá trình khai thác, sử dụng công trình;

g) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến diện tích, vị trí mặt bằng đã được thu hồi để xây dựng bổ sung hạng mục công trình, cải tạo điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và các trường hợp khác phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng công trình;

h) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Quản lý, bảo vệ đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình đường bộ thực hiện các công việc sau:

a) Tổ chức thực hiện cắm mốc xác định hành lang an toàn đường bộ trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ và bàn giao cho người quản lý, sử dụng đường bộ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Luật Đường bộ.

b) Trường hợp chưa xác định được người quản lý, sử dụng đường bộ thì chủ đầu tư bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ ở Trung ương đối với quốc lộ; cơ quan đường bộ thuộc Ủy ban nhân dân các cấp đối với đường tỉnh, quốc lộ đã phân quyền, phân cấp cho địa phương quản lý; cơ quan quản lý đường bộ đối với đường bộ địa phương khác.

c) Trường hợp dự án xây dựng chỉ thực hiện các công việc trên đường bộ đang khai thác, nhưng không thay đổi phạm vi hành lang an toàn đường bộ đang khai thác theo quy định của Điều 15 Luật Đường bộ và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ thì dự án đầu tư không phải cắm lại mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ.

2. Người quản lý, sử dụng đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm :

a) Công bố công khai mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ đối với đường bộ được giao quản lý, khai thác, sử dụng; điều chỉnh, bổ sung mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ trong thời gian khai thác, sử dụng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15 Luật Đường bộ và quy định tại điểm b khoản này;

b) Việc điều chỉnh, bổ sung mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ được thực hiện đối với các trường hợp: khi có thay đổi về chiều rộng hành lang an toàn đường bộ, chiều rộng đất của đường bộ dẫn đến phải điều chỉnh mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ; mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ bị hỏng, mất; khi cần bổ sung mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ phục vụ, nâng cao hiệu quả quản lý hành lang an toàn đường bộ;

c) Quy định trong hồ sơ mời thầu, hợp đồng về trách nhiệm của nhà thầu quản lý, bảo dưỡng công trình đường bộ trong việc quản lý, bảo vệ đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo dưỡng công trình đường bộ và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Tổ chức thực hiện các quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 10 Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Cơ quan quản lý đường bộ thực hiện các nhiệm vụ của người quản lý, sử dụng đường bộ đối với các đường bộ được giao quản lý tại khoản 3 Điều này; thực hiện các quy định khác của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ trong việc quản lý, bảo vệ mốc lộ giới và hành lang an toàn đường bộ:

a) Thực hiện quản lý, bảo vệ mốc lộ giới và hành lang an toàn đường bộ, đất của đường bộ theo quy định của hợp đồng;

b) Tổ chức hiện tuần đường và các quy định khác để quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng theo quy định tại Điều 5, 7, 8 (Điều 7A cũ), 10 và 12 và các quy định khác của Thông tư này.

Điều 6. Quản lý, bảo vệ phần đất được Nhà nước đền bù, thu hồi để xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng đường bộ

1. Phần đất được Nhà nước đền bù, thu hồi để xây dựng công trình đường bộ và xây dựng các công trình khác phục vụ quản lý, khai thác đường bộ phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, tuân thủ quy định của Luật Đất đai, Luật Đường bộ.

2. Khi hoàn thành dự án đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao Bàn giao đất đã được Nhà nước đền bù và thu hồi phục vụ dự án đầu tư xây dựng cho đối tượng sau:

a) Bàn giao cho chính quyền địa phương phần đất Nhà nước đã đền bù và thu hồi nhưng không có nhu cầu sử dụng vào việc công trình đường bộ và xây dựng các công trình khác để quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Đất đai;

b) Bàn giao cho người quản lý, sử dụng đường bộ đối với phần đất Nhà nước đã đền bù và thu hồi cần phục vụ công tác quản lý, vận hành khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

3. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý, bảo vệ đối với phần đất Nhà nước đã thu hồi phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với đất đã được nhà nước thu hồi, đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Thông báo với chính quyền địa phương các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái mục đích cần phải thực hiện cưỡng chế;

4. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm:

a) Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp được giao là người quản lý, sử dụng đường bộ;

b) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ đối với phần đất Nhà nước đã thu hồi và kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm bảo vệ đất thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ theo thẩm quyền (nếu có).

5. Nhà thầu bảo dưỡng công trình đường bộ thực hiện quản lý, bảo vệ phần đất Nhà nước đã đền bù, thu hồi phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của hợp đồng;

6. Đối với trường hợp đất Nhà nước đã đền bù và thu hồi nhưng không còn mục đích phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ thì, người quản lý, sử dụng đường bộ thực hiện các công việc cần thiết để điều chuyển cho địa phương theo quy định của Luật Đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

.Điều 7. Tuân đường để quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Nhiệm vụ của nhân viên tuần đường đối với công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tự giác chấm dứt thực hiện hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả vi phạm về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và khôi phục lại hiện trạng công trình ban đầu;

b) Phát hiện, ngăn chặn kịp thời tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Lập biên bản xác nhận các hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

d) Tổng hợp kết quả xử lý, khắc phục vi phạm, công tác cưỡng chế của chính quyền địa phương, báo cáo kịp thời đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ về các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này và đề xuất xử lý.

2. Nhiệm vụ của nhân viên tuần đường đối với công tác kiểm tra, xử lý hư hỏng công trình đường bộ bao gồm:

a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng công trình đường bộ, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ để báo cáo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ;

b) Đối với các hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình, nhân viên tuần đường có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời. Trường hợp vượt quá khả năng tự thực hiện thì thực hiện biện pháp cảnh báo tạm thời (sử dụng báo hiệu nguy hiểm bằng cờ, đèn, còi cảnh báo hoặc ra hiệu bằng tay, khẩu lệnh, đặt các chướng ngại vật để nhận biết cảnh báo từ xa hoặc các

biện pháp cần thiết khác), báo cáo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ;

c) Đối với các công trình, bộ phận hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đã có dấu hiệu hư hỏng, hư hỏng xuống cấp chưa được sửa chữa nhưng đang tiếp tục khai thác sử dụng, nhân viên tuần đường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng làm việc của công trình, bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; theo dõi các diễn biến hư hỏng ghi vào nhật ký tuần đường và báo cáo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình; khi hư hỏng phát triển gây mất an toàn công trình và an toàn giao thông thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Theo dõi mức nước tại các công trình ngầm, tràn trên đường bộ, cột thủy trí khi có mưa, lũ, nước dâng; cảnh báo tạm thời cho người tham gia giao thông khi ngầm, tràn không đảm bảo an toàn khai thác do mực nước, vận tốc nước lớn hơn quy định hoặc công trình bị hư hỏng; báo cáo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

3. Nhiệm vụ của nhân viên tuần đường đối với an toàn giao thông:

a) Thông báo ngay khi có vụ tai nạn cho các tổ chức, cá nhân sau: lực lượng công an nơi gần nhất; cứu nạn y tế, cứu hộ giao thông (nếu cần); đại diện người quản lý, sử dụng công trình đường bộ và đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình, cơ quan quản lý đường bộ;

b) Tham gia xử lý khi có ùn tắc giao thông, cứu hộ, cứu nạn tai nạn giao thông; hướng dẫn tạm thời giao thông trong trường hợp cần thiết khi chưa có cảnh sát giao thông, cơ quan quản lý đường bộ; tham gia bảo vệ hiện trường tai nạn khi chưa có lực lượng chức năng;

c) Đối với trường hợp vụ tai nạn làm gãy, hỏng hộ lan, lan can cầu, cột tiêu, biển báo, làm hư hỏng cầu và các trường hợp gây thiệt hại công trình, nhân viên tuần đường bảo vệ hiện trường, thống kê các thiệt hại và yêu cầu người điều khiển phương tiện ở lại hiện trường; thông báo cho đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ; phối hợp với chính quyền địa phương hoặc lực lượng công an lập biên bản xác nhận thiệt hại làm căn cứ yêu cầu thực hiện bồi thường. Trường hợp tai nạn làm hư hỏng các kết cấu chịu lực của công trình đường bộ (cầu, hầm hoặc công trình khác) hoặc công trình hư hỏng nặng có dấu hiệu ảnh hưởng đến khả năng khai thác của công trình phải báo cáo người quản lý, sử dụng công trình đường bộ đến lập biên bản xác nhận thiệt hại làm căn cứ yêu cầu thực hiện bồi thường;

d) Hàng tháng, thống kê các vụ tai nạn và mức độ thiệt hại của từng vụ để lập báo cáo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ;

đ) Phát hiện các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông để báo cáo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

4. Khi công trình đường bộ xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm không bảo đảm an toàn cho khai thác sử dụng, nhân viên tuần đường có trách nhiệm:

a) Thông báo kịp thời cho người quản lý sử dụng công trình, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương nơi gần nhất, đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ để cảnh báo cho người tham gia giao thông;

b) Thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho người, tài sản và phương tiện tham gia giao thông.

5. Trước khi hết ca tuần đường, nhân viên tuần đường có trách nhiệm ghi nhật ký tuần đường. Trường hợp tham gia giải quyết tai nạn giao thông, sự cố công trình và các trường hợp khác không thể ghi nhật ký trong ngày thì ghi vào ca tuần đường tiếp theo. Nhật ký tuần đường phải phản ánh đầy đủ mọi tình trạng, sự cố xảy ra đối với đoạn đường, cầu và công trình, hành lang an toàn đường bộ trên tuyến được giao nhiệm vụ. Mẫu nhật ký tuần đường theo **Phụ lục I** ban hành kèm theo Thông tư này và lưu trữ tại đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 8 (Điều 7A cũ). Thời gian thực hiện tuần đường và chiều dài đoạn đường giao nhân viên tuần đường thực hiện

1. Thực hiện tuần đường hàng ngày do người quản lý, sử dụng đường bộ quy định trong hợp đồng để nhà thầu, đơn vị được giao thực hiện, nhưng phải bảo đảm các quy định sau:

a) Không ít hơn 2 lần đối với đường cao tốc;

b) Không ít hơn 01 lần đối với các tuyến đường cấp I, cấp II, cấp III theo tiêu chuẩn thiết kế đường bộ;

c) Các tuyến đường cấp IV, cấp V và cấp VI, việc thực hiện tuần đường như sau: không quá 2 ngày phải thực hiện tuần đường 1 lần đối với quốc lộ, đường tỉnh;

2. Người quản lý, sử dụng đường bộ quyết định tăng số lần tuần đường được tăng lên so với quy định tại khoản 1 Điều này đối với các trường hợp sau:

a) Khi cần thực hiện công việc liên quan đến phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tham gia tìm kiếm cứu nạn;

b) Các tuyến đường quốc lộ có sự cố, nguy cơ sự cố công trình, công trình, hạng mục công trình hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn trong khai thác, sử dụng;

c) Đoạn đường có lưu lượng phương tiện tham gia giao thông vượt quá lưu lượng thiết kế, tình hình trật tự, an toàn giao thông phức tạp; đoạn đường hay xảy ra tai nạn giao thông;

d) Trong trường hợp cần thiết theo đề nghị của Lực lượng Công an chỉ huy, điều hành giao thông trên tuyến hoặc người quản lý, sử dụng đường bộ để thực hiện các công việc phục vụ công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, xử lý tai nạn, ùn tắc giao thông;

đ) Các trường hợp cần thiết khác do người quản lý, sử dụng đường bộ của tuyến đường quyết định.

3. Các tuyến đường có dải phân cách giữa chia hai chiều đường thì việc tuần đường phải thực hiện theo từng chiều đường.

4. Đối với đường đô thị, người quản lý, sử dụng đường bộ ở đô thị quyết định về số lần tuần đường phù hợp với trật tự, an toàn giao thông và tình trạng kỹ thuật chất lượng các tuyến đường đô thị.

5. Đối với đường xã, đường thôn xóm thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn, người quản lý, sử dụng đường bộ các đường này quyết định thời gian, số lần thực hiện tuần đường trên cơ sở tình hình trật tự, an toàn giao thông, tình trạng kỹ thuật các tuyến đường và lưu lượng phương tiện tham gia giao thông.

6. Các trường hợp không thực hiện tuần đường để bảo đảm an toàn cho nhân viên tuần đường, hoặc nhân viên tuần đường thực hiện các nhiệm vụ cấp bách khác, bao gồm:

a) Vị trí, hạng mục công trình xảy ra sự cố nghiêm trọng, gây hư hỏng, tắc đường và các trường hợp khác mà nhân viên tuần đường không thể di chuyển an toàn đến để thực hiện nhiệm vụ của người tuần đường;

b) Trong thời gian nhân viên tuần đường đang tham gia cứu nạn tai nạn giao thông, tham gia tìm kiếm cứu nạn khi có thiên tai, tham gia giải quyết, khắc phục sự cố công trình, sự cố cháy, nổ và các trường hợp bất khả kháng khác.

7. Chiều dài nhân viên tuần đường được giao thực hiện nhiệm vụ trong một ca làm việc (08 tiếng) phụ thuộc quy mô, tính chất công trình, phương tiện di chuyển của nhân viên tuần đường nhưng không quá quy định sau:

a) Đường cấp I và II có dải phân cách giữa chia hai chiều xe chạy: 25 km/người khi sử dụng phương tiện mô tô, xe máy để đi tuần đường cho cả hai chiều đường;

b) Đường cấp III có dải phân cách giữa và không có dải phân cách giữa: 30 km/người khi sử dụng mô tô, xe máy đi tuần đường;

c) Đường các cấp IV, V, VI và các tuyến đường giao thông nông thôn: 35 km/người đối với đường miền núi, 45 km/người đối với đường đồng bằng, trung du khi sử dụng mô tô, xe máy đi tuần đường;

d) Khi sử dụng ô tô làm phương tiện di chuyển tuần đường, chiều dài giao nhân viên tuần đường mỗi ca (8 tiếng) được tăng thêm không quá 1,5 lần so với quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này.

8. Việc tuần đường trên các đoạn đường cao tốc do 02 nhân viên tuần đường (01 tổ) cùng thực hiện với chiều dài mỗi ca (8 tiếng): không quá 30 km/tổ khi sử dụng mô tô, xe máy di chuyển; không quá 50 km/tổ trong trường hợp sử dụng ô tô di chuyển.

9. Khi tuần đường trong phạm vi công trình cầu, hầm phải thực hiện kiểm tra, đánh giá nhiều hạng mục và thực hiện nhiều công việc, chiều dài thực hiện

tuần đường đối với cầu được giảm 1/3 so với quy định về chiều dài tuần đường; giảm còn ¼ so với quy định về chiều dài tuần đường tại khoản 7 và khoản 8 Điều này.

Điều 9 (Điều 8 cũ). Tuần kiểm đường bộ

1. Người quản lý sử dụng công trình đường bộ có trách nhiệm cử người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ. Đối với công trình đường bộ cao tốc mà người quản lý sử dụng công trình đường bộ không phải là cơ quan trực tiếp quản lý công trình đường bộ thì cơ quan trực tiếp quản lý công trình đường bộ có trách nhiệm cử người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ.

2. Nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ và việc thực hiện nhiệm vụ tuần đường quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Thông tư này;

b) Tiếp nhận, xử lý hoặc báo cáo, đề xuất người quản lý sử dụng công trình đường bộ xử lý các kiến nghị của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ và nhân viên tuần đường về công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; lập biên bản vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả và khôi phục vị trí ban đầu;

d) Theo dõi, tổng hợp tình hình và kết quả xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ về nội dung trên. Kiến nghị các biện pháp phòng, chống, xử lý vi phạm việc quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

đ) Theo dõi việc tổ chức giao thông, kiến nghị người quản lý sử dụng công trình đường bộ điều chỉnh, bổ sung biển báo, hệ thống an toàn giao thông, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức giao thông, phòng, chống ùn tắc, tai nạn giao thông. Kiểm tra các vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông, báo cáo người quản lý sử dụng công trình đường bộ và kiến nghị xử lý nếu thấy cần thiết;

e) Khi nhận được thông tin tai nạn giao thông, phải thông báo lực lượng công an, chính quyền địa phương nơi gần nhất và người tham gia giao thông; báo cáo cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý sử dụng công trình đường bộ về tai nạn giao thông; tham gia xử lý khi có ùn tắc giao thông, cứu hộ, cứu nạn tai nạn giao thông; hướng dẫn tạm thời giao thông trong trường hợp cần thiết khi chưa có cảnh sát giao thông, cơ quan quản lý đường bộ; tham gia bảo vệ hiện trường tai nạn khi chưa có lực lượng chức năng.

3. Công tác tuần kiểm đường bộ được thực hiện như sau:

a) Kiểm tra trên tuyến đường được giao quản lý ít nhất 01 lần trong 01 tuần;

b) Tăng số lần tuần kiểm trong các trường hợp đoạn đường đang khai thác hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông, các điểm sạt lở, lũ lụt gây ngập hoặc có nguy cơ sạt lở, cầu yếu, các đoạn đường tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông;

c) Sau khi thực hiện công tác tuần kiểm trên tuyến hoặc xử lý các kiến nghị của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ và nhân viên tuần đường, cá nhân thực hiện công tác tuần kiểm đường bộ có trách nhiệm ghi nhật ký tuần kiểm. Nhật ký tuần kiểm phải phản ánh đầy đủ quá trình xử lý, thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ. Mẫu nhật ký tuần kiểm theo **Phụ lục II** ban hành kèm theo Thông tư này và lưu trữ tại cơ quan theo quy định của pháp luật.

Điều 10 (Điều 9 cũ). Trách nhiệm của nhà thầu, đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ

1. Bố trí thực hiện tuần đường theo quy định **tại Điều 7 và Điều 8 (Điều 7A cũ)** Thông tư này; trang bị phương tiện, thiết bị cho nhân viên tuần đường thực hiện nhiệm vụ.

2. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên tuần đường; xử lý, thay thế nhân viên tuần đường không hoàn thành nhiệm vụ, có hành vi vi phạm quy định tại Thông tư này.

3. Xử lý các kiến nghị của nhân viên tuần đường ghi trong sổ Nhật ký tuần đường hoặc báo cáo người quản lý, sử dụng công trình, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương, lực lượng thanh tra giao thông (nếu cần thiết), công an để xử lý. Trong trường hợp khẩn cấp, đơn vị bảo dưỡng thường xuyên và vận hành khai thác công trình đường bộ phải huy động mọi lực lượng để hạn chế những thiệt hại đáng tiếc xảy ra.

4. Tổ chức sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, xuống cấp của công trình đường bộ theo đề xuất của nhân viên tuần đường. Trường hợp hư hỏng, xuống cấp nằm ngoài phạm vi hợp đồng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình thì báo cáo kịp thời với người quản lý sử dụng công trình đường bộ để có biện pháp sửa chữa, khắc phục.

5. Tham gia xử lý tai nạn giao thông, xử lý khắc phục ùn tắc giao thông, sự cố mất an toàn giao thông, sự cố xảy ra đối với công trình đường bộ.

6. Tham gia xử lý khắc phục bão lũ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

7. Phối hợp với người quản lý sử dụng công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương, lực lượng thanh tra và công an trong công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

8. Hàng tháng, báo cáo người quản lý, sử dụng công trình đường bộ các nội dung sau:

a) Việc thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác trong tháng; công tác sửa chữa khắc phục các hư hỏng;

b) Tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình, các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của các hạng mục: mặt đường, nền và lề đường; hệ thống an toàn giao thông; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thoát nước: cống, mương, rãnh thoát nước, ngầm, tràn; công trình bảo vệ nền đường, chỉnh trị dòng chảy; mố, trụ, kết cấu nhịp, gối, khe co giãn và các bộ phận của cầu; vỏ, thân, cửa hầm, bộ phận thu thoát nước và các bộ phận khác của hầm; các thiết bị lắp đặt vào công trình, các công trình bến phà và các hạng mục công trình khác thuộc phạm vi quản lý;

c) Các vụ tai nạn giao thông, nguyên nhân gây tai nạn giao thông, hậu quả do tai nạn giao thông gây ra đối với người, phương tiện tham gia giao thông; các hạng mục công trình bị hư hỏng, giá trị hư hỏng do tai nạn giao thông; các điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông trên tuyến phát sinh nhưng chưa được xử lý;

d) Các vụ vi phạm kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phát sinh trong tháng, các vụ đã xử lý, chưa xử lý.

Điều 11 (Điều 10 cũ). Trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của người quản lý, sử dụng đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ,

1. Trách nhiệm của người quản lý, sử dụng công trình đường bộ

a) Kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có) của người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ.

b) Xử lý đối với các kiến nghị của nhà thầu, đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ, người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ về khắc phục hư hỏng, xuống cấp, sự cố, nguy cơ sự cố công trình, xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông; việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c) Xử lý vi phạm của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật.

d) Xử lý vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền và kiến nghị với chính quyền địa phương, lực lượng công an, thanh tra giao thông, cơ quan quản lý đường bộ trong xử lý vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

d) Tham gia thực hiện công tác giải tỏa, cưỡng chế vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khi có đề nghị của chính quyền địa phương.

đ) Kiến nghị cơ quan quản lý đường bộ hoặc cấp có thẩm quyền chấp thuận phương án điều chỉnh, bổ sung các biện pháp tổ chức giao thông để nâng cao hiệu quả bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ

a) Thực hiện trách nhiệm của người quản lý, sử dụng công trình đường bộ quy định tại Thông tư này đối với tuyến đường được giao quản lý;

b) Kiểm tra việc quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của người quản lý, sử dụng công trình đường bộ;

c) Xử lý các kiến nghị của người quản lý, sử dụng công trình đường bộ đối với công tác điều chỉnh, bổ sung các biện pháp tổ chức giao thông theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư này;

d) Thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 12 (Điều 10A cũ). Phương tiện, thiết bị, trang phục phục vụ tuần đường và tuần kiểm đường bộ

1. Phương tiện, thiết bị, trang phục phục vụ công tác tuần đường và tuần kiểm theo quy định tại **Phụ lục III** ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng công trình đường bộ có trách nhiệm cung cấp trang phục tuần đường cho nhân viên tuần đường thực hiện nhiệm vụ này.

3. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm cung cấp trang phục tuần kiểm cho người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm.

Điều 13 (Điều 11 cũ). Trách nhiệm về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của Doanh nghiệp dự án đối tác công tư, doanh nghiệp được Nhà nước giao, ký hợp đồng thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh khai thác, vận hành, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

1. Thực hiện trách nhiệm của người quản lý, sử dụng đường bộ theo các quy định của Luật Đường bộ, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đường bộ, quy định tại Thông tư này và quy định khác pháp luật đường bộ đối với công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và các quy định của pháp luật có liên quan;

2. Thực hiện quyền, trách nhiệm của người quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng đối với công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ và các quy định của pháp luật có liên quan;

3. Quản lý, bảo vệ:

a) Đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ; phần đất Nhà nước đã thu hồi để thực hiện dự án;

b) Tài sản được Nhà nước giao để thực hiện dự án, bao gồm: kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị phục vụ vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ;

4. Kiến nghị cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành đối với các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, phần đất Nhà nước đã đền bù và thu hồi; các vi phạm khác đối với đất dành cho

kết cấu hạ tầng đường bộ và vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

5. Báo cáo cơ quan ký kết hợp đồng, cơ quan quản lý cấp trên tình hình quản lý, bảo vệ, sử dụng các hạng mục, bộ phận kết cấu hạ tầng và các thiết bị quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

CHƯƠNG III

VẬN HÀNH, KHAI THÁC, SỬ DỤNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 14 (Đ12 cũ). Vận hành, khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ và phương tiện, thiết bị, công nghệ phục vụ quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Vận hành, khai thác, sử dụng thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ và được thực hiện đối với:

- a) Hệ thống máy móc, thiết bị lắp đặt tại các bến phà đường bộ, cầu phao đường bộ, cầu quay và cầu cát trên đường bộ, hầm đường bộ;
- b) Hệ thống báo hiệu điện tử trên đường bộ, thiết bị báo hiệu bằng âm thanh của đường bộ;
- c) Hệ thống giao thông thông minh và các hệ thống thuộc các Trung tâm quản lý điều hành giao thông của đường bộ;
- d) Hệ thống thu phí đường bộ.
- đ) Công trình kiểm soát tải trọng xe của đường bộ.
- e) Hệ thống chiếu sáng của đường bộ.
- g) Thiết bị cung cấp điện, năng lượng phục vụ khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ.
- h) Hệ thống quan trắc cầu đường bộ, quan trắc công trình đường bộ khác.
- i) Phương tiện, thiết bị bảo đảm giao thông đường bộ; phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ khảo sát thu thập cơ sở dữ liệu đường bộ; phương tiện, thiết bị chuyên dùng phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đường bộ;
- k) Các hạng mục, thiết bị khác thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Việc vận hành các phương tiện, thiết bị, công nghệ tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của nhà sản xuất, quy trình, tài liệu quy định, hướng dẫn vận hành, khai thác, sử dụng và tiêu chuẩn kỹ thuật nếu có.

3. Trong thời gian vận hành, khai thác, sử dụng các phương tiện, thiết bị, công nghệ phải thực hiện các công việc sau:

- a) Kiểm tra, đánh giá thiết bị, công nghệ tình trạng kỹ thuật, an toàn trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ

tầng đường bộ; theo dõi tình trạng môi trường xung quanh và ảnh hưởng khác đối với kết cấu hạ tầng đường bộ.

b) Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị bị hư hỏng, bổ sung các bộ phận thiết bị, công nghệ mới nếu thấy cần thiết.

c) Nhà thầu, đơn vị trực tiếp vận hành tạm dừng khai thác thiết bị, công nghệ nếu việc vận hành không bảo đảm an toàn trong khai thác, sử dụng, đồng thời thông báo cho người quản lý, sử dụng đường bộ trong thời gian không quá 4 giờ kể từ khi tạm dừng vận hành thiết bị, công nghệ.

d) Người quản lý, sử dụng đường bộ tổ chức kiểm tra, đánh giá và quyết định tiếp tục vận hành thiết bị, công nghệ trong trường hợp bảo đảm an toàn hoặc quyết định dừng vận hành để thực hiện các công việc quy định tại điểm b khoản này.

4. Nhà thầu quản lý, vận hành khai thác các phương tiện, thiết bị, công nghệ thực hiện công việc này theo hợp đồng ký với người quản lý, sử dụng đường bộ và quy định tại khoản 3 Điều này;

5. Người quản lý, sử dụng đường bộ:

a) Lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật thực hiện khoản 1 Điều này và quy định trong hợp đồng trách nhiệm của nhà thầu thực hiện vận hành khai thác các phương tiện, thiết bị, công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tự thực hiện vận hành, khai thác, sử dụng đối với một, một số trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trong thời gian chưa lựa chọn được nhà thầu với điều kiện bảo đảm an toàn, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật về đấu thầu; thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 15 (khoản 2 Điều 12 cũ). Tài liệu quy định vận hành, khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ và phương tiện, thiết bị, công nghệ phục vụ quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Tài liệu quy định vận hành, khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ và phương tiện, thiết bị, công nghệ phục vụ quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

a) Quy trình, quy định, chỉ dẫn vận hành và các tài liệu khác quy định về cách thức, trình tự, thao tác vận hành, khai thác, sử dụng phương tiện, thiết bị, công nghệ;

b) Quy trình, quy định, chỉ dẫn về bảo đảm an toàn và các yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện, thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Quy định, chỉ dẫn về bảo dưỡng .

2. Nhà sản xuất, nhà thầu cung cấp thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm cung cấp các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này cho chủ đầu tư trước khi nghiệm thu việc lắp đặt thiết bị, công nghệ vào kết cấu hạ tầng đường bộ.

3. Trong thời gian vận hành, sử dụng phương tiện, thiết bị, công nghệ, người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm tổ chức đánh giá để điều chỉnh, bổ sung các tài liệu quy định tại điểm a khoản này và bổ sung các tài liệu khác có liên quan, bảo đảm việc vận hành, khai thác, sử dụng thiết bị, công nghệ an toàn, hiệu quả, bảo vệ môi trường, kéo dài thời hạn sử dụng thiết bị công nghệ.

Điều 16 (Đ13 cũ). Khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ

Khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

1. Khai thác, sử dụng đối với đường bộ bao gồm:

a) Khai thác, sử dụng đường bộ vào các mục đích giao thông đường bộ làm đường giao thông công cộng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Đường bộ; sử dụng đường nội bộ phục vụ giao thông trong phạm vi các khu chung cư, khu đô thị, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp, khu thương mại dịch vụ, trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật Đường bộ; khai thác, sử dụng đường bộ phục vụ giao thông riêng cho người đi bộ, đi xe đạp và các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 9 Luật Đường bộ;

b) Sử dụng tạm đường bộ có thời hạn vào mục đích khác theo quy định tại Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đường bộ;

c) Các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

2. Khai thác, sử dụng các công trình khác thuộc kết cấu hạ tầng:

a) Khai thác, sử dụng bến xe, bãi đỗ xe, điểm dừng xe, điểm đỗ xe phục vụ giao thông đường bộ;

b) Khai thác, sử dụng trạm thu phí đường bộ để thực hiện thu dịch vụ sử dụng đường bộ của các phương tiện thuộc đối tượng nộp phí dịch vụ;

c) Khai thác, sử dụng công trình kiểm tra tải trọng xe phục vụ việc bảo vệ công trình đường bộ và mục đích bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

d) Khai thác, sử dụng trung tâm quản lý điều hành giao thông đường bộ và các công trình khác để hỗ trợ cho người, phương tiện tham gia giao thông;

đ) Khai thác, sử dụng các công trình an toàn giao thông, công trình khác phục vụ giao thông đường bộ;

e) Khai thác, sử dụng trạm dừng nghỉ phục vụ người, phương tiện tham gia giao thông, kết hợp cung cấp dịch vụ cung cấp năng lượng, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện tham gia giao thông và mục đích thương mại;

g) Khai thác, sử dụng kho chứa trang thiết bị, vật tư dự phòng phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và các trường hợp cần thiết khác;

h) Khai thác, sử dụng nhà hạt quản lý đường bộ phục vụ quản lý, bảo trì công trình đường, cầu đường bộ và các công trình đường bộ khác;

i) Khai thác, sử dụng đất của đường bộ để bảo vệ, bảo trì đường bộ; khai thác, sử dụng hành lang an toàn đường bộ để bảo đảm tầm nhìn, hạn chế tiếng ồn

của phương tiện đối với dân cư sinh sống, các hoạt động xã hội hai bên đường; hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, ánh sáng, khói, bụi và các tác động sản xuất, kinh doanh hai bên đường bộ đến người, phương tiện tham gia giao thông, nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và môi trường giao thông trên đường bộ;

k) Khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ để xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị quy định tại Điều 18 Luật Đường bộ; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Điều 19 Luật Đường bộ; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ quy định tại Điều 20 Luật Đường bộ;

l) Các hoạt động khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ khác phục vụ cho các hoạt động đường bộ, để thực hiện công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ để tạo nguồn thu theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ; khai thác quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ để tạo nguồn thu được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 17 (Đ14 cũ). Trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm:

a) Quản lý, sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng đúng mục đích; tuân thủ quy định của Thông tư này, quy định của pháp luật về đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký kết hợp đồng thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ và thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ;

c) Tự thực hiện vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ nhưng phải bảo đảm quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật khác có liên quan và đủ điều kiện năng lực thực hiện đối với các trường hợp: Trong thời gian chưa lựa chọn được nhà thầu; Việc tự thực hiện mang lại hiệu quả cao hơn;

d) Tổ chức giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ;

đ) Tiếp nhận báo cáo của nhà thầu và xử lý kiến nghị của nhà thầu theo quy định của Thông tư này, quy định khác của pháp luật có liên quan và hợp đồng đã ký.

2. Nhà thầu vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm:

a) Thực hiện theo quy định của hợp đồng đã ký; tuân thủ quy định của Thông tư này, quy định khác của pháp luật có liên quan; tuân thủ quy trình vận

hành khai thác, quy trình bảo trì công trình và thiết bị, công nghệ lắp đặt vào công trình;

b) Bảo quản, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị, công nghệ, vật tư, tài sản, hồ sơ, tài liệu được giao đúng mục đích và quy định của hợp đồng;

c) Kiểm tra, theo dõi, đánh giá tình trạng kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị, công nghệ để phát hiện các hư hỏng, tồn tại và tổ chức khắc phục;

d) Báo cáo người quản lý, sử dụng đường bộ về tình trạng kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị, công nghệ; kiến nghị thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị để bảo đảm an toàn trong khai thác, sử dụng, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và các kiến nghị khác.

3. Cơ quan quản lý đường bộ thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này đối với đường bộ được giao quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng; hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định sau:

a) Cơ quan quản lý đường bộ thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ;

b) Cơ quan quản lý đường bộ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đối với quốc lộ, đường tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và đường khác được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao;

c) Cơ quan quản lý đường bộ khác thực hiện đối với đường địa phương theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

CHƯƠNG IV BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 18 (Đ15 cũ). Nội dung công tác bảo trì thực hiện kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Nội dung bảo trì công trình, hạng mục công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Luật Đường bộ (sau đây gọi chung là công trình kết cấu hạ tầng đường bộ) thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 35 Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về xây dựng, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Đối với đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ thực hiện các công tác kiểm tra, tuần đường, tuần kiểm theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a khoản 7 Điều 35 Luật Đường bộ và quy định Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư này.

Điều 19 (Đ16 cũ). Nội dung và căn cứ lập quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Nội dung quy trình bảo trì công trình đường bộ bao gồm các quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Căn cứ lập quy trình bảo trì công trình đường bộ bao gồm:

- a) Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình;
- b) Quy trình bảo trì của công trình tương tự (nếu có);
- c) Hồ sơ thiết kế (kể cả hồ sơ thiết kế điều chỉnh, nếu có), chỉ dẫn kỹ thuật thi công xây dựng công trình;
- d) Chỉ dẫn của nhà sản xuất, cung cấp và lắp đặt thiết bị vào công trình;
- đ) Điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình;
- e) Các tài liệu cần thiết khác.

g) Đối với công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, ngoài quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản này, việc lập quy trình bảo trì còn phải căn cứ vào các tài liệu trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì công trình, kết quả kiểm tra, kiểm định, quan trắc (nếu có); tình trạng, chất lượng công trình và khả năng khai thác thực tế của công trình.

Điều 20 (Điều 16A cũ). Trách nhiệm lập quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình

a) Nhà thầu thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước), nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 hoặc 2 bước) có trách nhiệm lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình, bộ phận công trình do mình thiết kế cùng với hồ sơ thiết kế; cập nhật quy trình bảo trì cho phù hợp với các nội dung thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng nếu có trước khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng;

b) Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình có trách nhiệm bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình;

c) Trường hợp nhà thầu thiết kế, nhà thầu cung cấp thiết bị quy định tại điểm a và điểm b khoản này không lập được quy trình bảo trì, chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để lập quy trình bảo trì và có trách nhiệm chi trả chi phí tư vấn.

2. Đối với các công trình đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm tổ chức lập quy trình bảo trì công trình đường bộ.

3. Không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình đường bộ cấp III, cấp IV theo quy định của pháp luật về xây dựng, công trình tạm, công trình xây dựng theo Lệnh khẩn cấp mà không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế và dự toán trước khi thi công. Người quản lý, sử dụng đường bộ phải thực hiện bảo trì công trình theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 21 (Điều 17 cũ). Phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình đường bộ, việc phê duyệt quy trình bảo trì thực hiện như sau:

a) Trường hợp Bộ Giao thông vận tải là chủ đầu tư, cơ quan quản lý đường bộ trực thuộc được giao có trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì.

b) Đối với các trường hợp không quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Trường hợp Ủy ban nhân dân các cấp là chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản này, hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với các công trình đường bộ đã đưa vào quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đường bộ chịu trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Tổ chức có trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì có thể thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình trước khi phê duyệt. Kinh phí thuê tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Điều 22 (Đ18 cũ). Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng

1. Việc điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng thực hiện như sau:

a) Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng có quyền điều chỉnh quy trình bảo trì khi phát hiện các yếu tố bất hợp lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng công trình, gây ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng công trình;

b) Nhà thầu lập quy trình bảo trì có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hoặc thay đổi những nội dung bất hợp lý trong quy trình bảo trì nếu do lỗi của mình gây ra và

có quyền từ chối những yêu cầu điều chỉnh quy trình bảo trì không hợp lý của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình;

c) Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng có quyền thuê nhà thầu khác có đủ điều kiện năng lực thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay đổi quy trình bảo trì trong trường hợp nhà thầu lập quy trình bảo trì ban đầu không thực hiện các công việc này. Nhà thầu thực hiện sửa đổi, bổ sung quy trình bảo trì phải chịu trách nhiệm về chất lượng công việc do mình thực hiện;

d) Các công trình sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì để thực hiện bảo trì, khi tiêu chuẩn này được sửa đổi hoặc thay thế thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện bảo trì theo nội dung đã được sửa đổi.

2. Việc phê duyệt quy trình bảo trì đã sửa đổi, bổ sung, thay thế thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

Điều 23 (Đ19 cũ). Sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì, quy trình bảo trì của công trình khác tương tự để thực hiện bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đang khai thác sử dụng.

1. Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì công trình phù hợp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, thì được áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật để bảo trì công trình mà không cần lập quy trình riêng. Nhưng phải bổ sung quy trình, quy định về bảo trì đối với các hạng mục, công việc bảo trì chưa có trong tiêu chuẩn bảo trì.

2. Trường hợp sử dụng quy trình bảo trì của công trình, bộ phận, hạng mục tương tự về quy mô, tính chất kỹ thuật, tình trạng chất lượng phù hợp, thì người quản lý, sử dụng đường bộ thực hiện các công việc sau:

a) Đánh giá nếu thấy phù hợp và bảo đảm chất lượng khi thực hiện bảo trì công trình đường bộ được giao, thì có thể áp dụng quy trình đó cho công trình, bộ phận, hạng mục công trình mà không cần lập quy trình riêng. Trường hợp cần thiết thuê tư vấn đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả, bảo đảm an toàn khi áp dụng quy trình bảo trì của công trình, bộ phận, hạng mục công trình tương tự trước khi quyết định áp dụng vào bảo trì công trình đường bộ được giao quản lý.

b) Bổ sung quy trình, quy định về bảo trì đối với các hạng mục, công việc bảo trì chưa có trong quy trình bảo trì của công trình tương tự.

c) Theo dõi, bổ sung, điều chỉnh các công việc để bảo đảm hiệu quả, an toàn, phòng, tránh các nguy cơ gây hư hỏng, mất an toàn công trình trong quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình.

Điều 24 (Đ20 cũ). Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ

Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ phải bảo đảm quy định của pháp luật về xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng và các quy định sau:

1. Nội dung kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các công việc sau:

a) Công tác quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì các công trình, hạng mục thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ, phương tiện, thiết bị, công nghệ phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 2, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 39 và Điều 40 Luật Đường bộ;

b) Các công việc, danh mục thuộc kế hoạch bảo trì phải gồm các thông tin sau: tên công trình đường bộ, danh mục, hạng mục công trình, công việc thực hiện; khối lượng chủ yếu, kinh phí thực hiện; thời gian, phương thức thực hiện;

c) Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng lập theo biểu mẫu, tài liệu kèm theo quy định tại **Phụ lục IV** ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các công việc trong kế hoạch bảo trì sử dụng ngân sách Nhà nước gồm:

a) Bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị, công nghệ lắp đặt vào kết cấu hạ tầng đường bộ, phương tiện, thiết bị phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ, phòng chống thiên tai trong lĩnh vực đường bộ, bảo đảm giao thông đường bộ;

b) Sửa chữa kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 35 Luật Đường bộ. Các công việc sửa chữa trong kế hoạch bảo trì phải bao gồm nội dung và danh mục công trình sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất (gồm cả chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, rà phá, xử lý, tiêu hủy bom, mìn, vật liệu nổ khi cần thu hồi đất khi cần thiết để xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông, bổ sung đường cứu nạn và các hạng mục an toàn giao thông); sửa chữa phương tiện, thiết bị phục vụ quản lý, vận hành, khai thác sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ; thay thế bộ phận công trình, phương tiện, thiết bị, công nghệ và các công việc khác theo quy định tại Điều 35 Luật Đường bộ; danh mục và chi phí thực hiện các dự án sửa chữa chuyên tiếp từ năm trước sang năm sau; mua sắm bổ sung vật tư, thiết bị dự phòng phục vụ phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai; Bổ sung, thay thế hạng mục công trình, thiết bị, sửa chữa phần mềm để việc khai thác, sử dụng công trình đúng công năng và đảm bảo an toàn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP

c) Kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn công trình, kiểm tra công trình, quan trắc công trình theo quy định tại khoản 7 Điều 35 Luật Đường bộ, quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Hỗ trợ giá (phần chưa được kết cấu vào giá) đối với dịch vụ sử dụng phà; sửa chữa, thay thế, bổ sung phà, phương tiện, thiết bị vượt sông; mua sắm bổ sung thiết bị, vật tư dự phòng cho phà và phương tiện thiết bị vượt sông;

đ) Các công việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ phương tiện, thiết bị, công nghệ và kết cấu hạ tầng quy định tại Điều 14 và Điều 16 Thông tư này;

e) Thực hiện thăm tra, thẩm định an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác theo quy định của Điều 29 Luật Đường bộ;

g) Các công việc không thường xuyên khác, bao gồm: Trực đảm bảo giao thông, trực chốt đường nhánh ra vào cao tốc, cửa hầm theo quy trình bảo trì và quy trình vận hành khai thác hoặc trong trường hợp khẩn cấp cần bảo đảm an toàn giao thông và khắc phục ứ tắc giao thông theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ; lập quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác công trình trong quá trình khai thác sử dụng; xây dựng định mức trong lĩnh vực bảo trì và các công việc khác theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; mua sắm trang phục tuần kiểm; hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, kiểm tra tải trọng phương tiện đường bộ (bao gồm hỗ trợ lực lượng thanh tra đường bộ);

h) Các công việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đầu tư theo hình thức đối tác công tư bị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Đường bộ; bảo quản công trình đầu tư theo phương thức đối tác công tư bao gồm: quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa bảo đảm an toàn và chống xuống cấp công trình, vận hành, khai thác sử dụng công trình đối tác công tư sau khi tiếp nhận chuyển giao từ nhà đầu tư (bao gồm cả thời gian thực hiện xác nhận quyền sở hữu toàn dân về tài sản); thực hiện kiểm định công trình trước khi nhận chuyển giao theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

i) Các công việc do cơ quan nhà nước ký kết hợp đồng PPP thực hiện quản lý, vận hành và bảo trì công trình đường bộ để đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt đối với các trường hợp sau: cơ quan nhà nước quyết định dừng thu phí khi đã bảo đảm phương án tài chính; khi một bên ký hợp đồng dự án chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; Nhà đầu tư không triển khai dự án hoặc không tiến hành quản lý, bảo trì dẫn đến công trình mất an toàn giao thông;

k) Các công việc khác theo quy định của pháp luật.

3. Các công việc quy định tại khoản 2 Điều này đã được bảo đảm toàn bộ bằng nguồn chi tự chủ hành chính của các cơ quan, đơn vị **thì không đưa vào kế hoạch bảo trì.**

4. Trường hợp hạn chế về nguồn vốn, kế hoạch bảo trì tại khoản 2 Điều này được ưu tiên thực hiện các công việc: bảo dưỡng; khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm sau; sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ, an toàn khi vận hành khai thác các bến phà, cầu phao, hầm đường bộ; khắc phục nguy cơ sập đổ công trình; hỗ trợ dịch vụ phà; công việc cần thiết khác do cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bảo trì quyết định.

5. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng sử dụng vốn ngân sách Trung ương do Bộ Giao thông vận tải quản lý

a) Căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và công trình, bộ phận gắn liền với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức, quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, hàng năm, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 30 tháng 4 (TT37 là tháng 5) nhu cầu quản lý, bảo trì và công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau;

b) Trước ngày 30 tháng 5 (TT 37 là tháng 6), Bộ Giao thông vận tải chấp thuận nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau; chấp thuận công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch bảo trì năm sau. Nhu cầu quản lý, bảo trì được xác định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và lập theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Căn cứ vào công việc, danh mục tại điểm b khoản này, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình, dự toán các công việc cần thiết khác trước ngày 31 tháng 10;

Trong quá trình lập, thẩm định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam được điều chỉnh phạm vi (chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa), giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông, nhưng không được vượt kinh phí ghi cho danh mục đã được chấp thuận. Trong trường hợp cần bảo đảm an toàn chịu lực các bộ phận kết cấu công trình cầu, hầm, phà thì được duyệt vượt không quá 20% kinh phí của danh mục sửa chữa kết cấu chịu lực đã chấp thuận;

d) Căn cứ nội dung duyệt tại điểm c khoản này và các công việc quản lý, bảo trì cần thiết bổ sung nhưng nằm ngoài danh mục quy định tại điểm b khoản này, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam tổng hợp và trình Bộ Giao thông vận tải kế hoạch bảo trì năm sau trước ngày 10 tháng 11 hàng năm. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền giao hoặc thông báo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì của năm sau;

đ) Trường hợp cần bổ sung công việc quản lý, bảo trì và vận hành công trình đường bộ ngoài kế hoạch bảo trì đã phê duyệt, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam lập, trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chuẩn bị đầu tư và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì để tổ chức thực hiện;

6. Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trong thời gian thực hiện hợp đồng đối tác công tư, trong thời gian Nhà nước cho thuê, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, kết cấu hạ tầng do Doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

4. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo phương thức đối tác công tư (PPP) thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và các quy định sau:

a) Trước ngày 31 tháng 12 năm trước liền kề, doanh nghiệp dự án lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình trên cơ sở quy mô công trình, hiện trạng công trình, quy trình bảo trì và quy trình vận hành khai thác được duyệt; gửi kế hoạch bảo trì được duyệt cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng để giám sát. Các công việc quản lý, vận hành và bảo trì và chi phí thực hiện trong kế hoạch bảo trì hàng năm do doanh nghiệp dự án duyệt phù hợp với quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy mô, tình trạng kỹ thuật công trình và quy định pháp luật có liên quan;

b) Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung công việc, khối lượng và chi phí thực hiện công việc quản lý, vận hành và bảo trì công trình đường bộ do xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc khi có phát sinh công việc, chi phí, khối lượng bảo trì ngoài hợp đồng dự án đã ký, doanh nghiệp dự án đề nghị cơ quan ký kết hợp đồng dự án xem xét để thỏa thuận bổ sung theo quy định của hợp đồng dự án;

c) Đối với các sự cố công trình, các trường hợp sửa chữa đột xuất, khắc phục sự cố bất khả kháng, doanh nghiệp dự án có trách nhiệm triển khai thực hiện các công việc theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về phòng chống thiên tai, pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư này để bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình xây dựng.

d) Trường hợp hợp đồng có quy định phải thỏa thuận kế hoạch bảo trì hoặc khi có các công việc nằm ngoài hợp đồng, doanh nghiệp dự án phải thỏa thuận thỏa thuận kế hoạch bảo trì với cơ quan ký hợp đồng dự án đối tác công tư; cơ quan cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trước khi phê duyệt.

7. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng nguồn vốn khác nguồn vốn quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Đường bộ và Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 25 (Đ21 cũ). Nguồn kinh phí quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ

1. Nguồn kinh phí quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định tại Điều 42 Luật Đường bộ, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26 (Đ21B cũ). Chi phí quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ

1. Chi phí quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ là toàn bộ chi phí để thực hiện các công việc trong kế hoạch bảo trì được duyệt và các công việc cần thiết bổ sung, điều chỉnh ngoài kế hoạch bảo trì quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chi phí thực hiện các công việc bảo trì, quản lý, vận hành công trình, dự toán công việc gồm các chi phí trực tiếp thực hiện quản lý, bảo trì, vận hành công trình và chi phí thực hiện các công tác sau:

a) Chi phí tư vấn phục vụ bảo trì công trình đường bộ theo quy định: khảo sát phục vụ thiết kế, lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình; lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công sửa chữa; lập dự toán các hoạt động bảo trì công trình; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất để lựa chọn nhà thầu; giám sát khảo sát, giám sát thi công sửa chữa, giám sát sửa chữa, thay thế thiết bị công trình; lập, thẩm tra (trường hợp chưa có quy trình bảo trì) hoặc điều chỉnh quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác công trình; kiểm định chất lượng công trình phục vụ công tác bảo trì; quan trắc công trình đường bộ theo quy định; kiểm tra công trình đột xuất theo yêu cầu (nếu có); đánh giá an toàn của công trình trong quá trình khai thác sử dụng; thực hiện các công việc tư vấn khác theo quy định của pháp luật;

b) Chi phí quản lý dự án sửa chữa theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Chi phí khác gồm các chi phí để thực hiện quá trình bảo trì công trình xây dựng như: kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán; bảo hiểm công trình; phí thẩm định (nếu có) và các chi phí liên quan khác theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về giá và pháp luật có liên quan;

d) Chi phí quản lý của chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình.

3. Chi phí quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ xác định theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

Chi phí quản lý, bảo trì, vận hành công trình đường bộ sử dụng vốn nhà nước, kể cả vốn nhà nước ngoài ngân sách và các công trình đầu tư theo hình thức PPP thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật về chi phí xây dựng công trình, pháp luật về giá, pháp luật về giao kế hoạch, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích và pháp luật có liên quan.

4. Chi phí quản lý, bảo trì, vận hành công trình đường bộ được sử dụng các phương pháp sau để xác định các loại chi phí cho phù hợp

a) Đối với chi phí của dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình, các công việc tư vấn, quản lý dự án, kiểm định, quan trắc, đánh giá an toàn công trình và các công việc có tính chất đầu tư xây dựng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

b) Đối với công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên sử dụng ngân sách trung ương thực hiện hình thức đấu thầu, đặt hàng thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng;

c) Đối với công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tại các dự án PPP, công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại điểm b khoản này để thực hiện;

d) Trong bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án đầu tư theo phương thức PPP để lựa chọn nhà đầu tư có thể xác định từ dữ liệu về chi phí quản lý, bảo trì, vận hành các công trình tương tự đã hoặc đang thực hiện. Trường hợp sử dụng phương pháp này, chi phí quản lý, vận hành khai thác bảo trì công trình được xác định trên cơ sở quy mô, công suất hoặc năng lực phục vụ của công trình, bộ phận kết cấu công trình đang xem xét và dữ liệu về chi phí quản lý, bảo trì, vận hành khai thác của công trình tương tự đã hoặc đang thực hiện có cùng loại, cấp công trình, quy mô, công suất hoặc năng lực phục vụ để xác định chi phí quản lý, bảo trì, vận hành khai thác. Các dữ liệu về chi phí khi sử dụng cần thực hiện quy đổi, tính toán về thời điểm lập chi phí, địa bàn xây dựng công trình và điều chỉnh, bổ sung các chi phí khác nếu có để phù hợp với điều kiện cụ thể của dự án, công trình;

đ) Trường hợp cần xác định chi phí quản lý, vận hành khai thác và bảo trì phục vụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi công trình chưa có thiết kế kỹ thuật, thiết kế bảo vệ thi công, chưa lập được quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác, không có dữ liệu về chi phí quản lý, bảo trì, vận hành khai thác của công trình tương tự để xác định các chi phí theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này, thì căn cứ dự án đầu tư được duyệt để lập chỉ dẫn kỹ thuật vận hành khai thác, bảo trì công trình. Căn cứ chỉ dẫn kỹ thuật này, thiết kế cơ sở của dự án, loại thiết bị công nghệ vận hành khai thác công trình, chế độ hao mòn, và thời hạn sử dụng thiết bị, thời hạn (tuổi thọ các hạng mục công trình) để xác định khối lượng công việc cần thực hiện, số lượng, khối lượng và thời điểm thay thế, bảo trì các loại thiết bị, bộ phận công trình ở giai đoạn vận hành khai thác, bảo trì công trình làm cơ sở xác định chi phí quản lý, vận hành khai thác, bảo trì công trình theo hướng dẫn tại **Phụ lục V** ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá trong giai đoạn vận hành khai thác được xác định theo pháp luật về quản lý chi phí xây dựng công trình và pháp luật có liên quan.

6. Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình trong giai đoạn bảo hành theo quy định thì không được tính chi phí sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng do lỗi và thuộc trách nhiệm bảo hành của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp lắp đặt thiết bị. Trong thời gian thực hiện dự án sửa chữa công trình, không

tính chi phí bảo dưỡng thường xuyên nếu các công việc này đã có trong công tác sửa chữa hoặc các hạng mục không cần bảo dưỡng trong thời gian thực hiện sửa chữa.

Điều 27 (Đ22 cũ). Chế độ báo cáo

1. Đối với hệ thống đường trung ương

- a) Tên báo cáo: Báo cáo công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.
- b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.
- c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Cục Đường bộ Việt Nam; Khu Quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý quốc lộ.
- d) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam.
- đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.
- e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ 06 tháng.
- g) Thời hạn gửi báo cáo: Cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải trước ngày 25 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm; Khu Quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý quốc lộ báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam trước ngày 20 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.
- h) Thời gian chốt số liệu báo cáo của Cục Đường bộ Việt Nam tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 15 tháng 6 của kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo của Khu Quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý quốc lộ tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm; từ ngày 15 tháng 6 của kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm.
- i) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo mẫu quy định tại **Phụ lục VI** của Thông tư này.

2. Đối với hệ thống đường địa phương

Các cơ quan quản lý đường bộ thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sở Giao thông vận tải báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam như sau:

- a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Báo cáo tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện và các đường địa phương khác, đường chuyên dùng.

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

d) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng năm.

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

g) Mẫu biểu số liệu báo cáo: Theo mẫu quy định tại **Phụ lục VI** của Thông tư này.

3. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến công trình đường bộ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện các báo cáo khác theo quy định của pháp luật về kế hoạch đầu tư.

MỤC 2.

BẢO DƯỠNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 28 (Đ23 cũ). Chế độ bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ và thiết bị lắp đặt vào công trình kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Chế độ thực hiện bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ và thiết bị lắp đặt vào công trình kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

- a) Bảo dưỡng thường xuyên;
- b) Bảo dưỡng định kỳ;
- c) Bảo dưỡng đột xuất khi cần thiết.

2. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện đối với công trình kết cấu hạ tầng đường bộ để hạn chế các hư hỏng, xuống cấp của công trình dẫn đến mất an toàn giao thông đường bộ, bảo đảm kéo dài thời hạn sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ, trừ các trường hợp thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Bảo dưỡng thường xuyên phải được thực hiện theo quy trình bảo trì công trình, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng công trình.

3. Bảo dưỡng định kỳ được thực hiện định kỳ theo tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng, quy trình bảo trì và hướng dẫn của nhà cung cấp thiết bị đối với các bộ phận, hạng mục công trình, máy móc, thiết bị gắn liền với kết cấu hạ tầng đường bộ. Bảo dưỡng định kỳ được thực hiện đối với các trường hợp cần thực hiện bảo dưỡng

sau một thời hạn nhất định, theo chu kỳ hoạt động, cung cấp sản phẩm và các trường hợp khác.

Bảo dưỡng định kỳ được thực hiện đối với:

a) Bảo dưỡng định kỳ đối với máy móc, thiết bị vận hành khai thác bến phà, cầu phao, hầm, thiết bị điện, đèn chiếu đường bộ, phao và công trình báo hiệu trên sông phục vụ vận hành phà đường bộ;

b) Bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống máy tính, thiết bị tin học, công nghệ thông tin; hệ thống thiết bị thu phí, thiết bị thuộc công trình kiểm soát tải trọng xe, thiết bị công nghệ thuộc trung tâm quản lý giao thông thông minh, hệ thống quan trắc cầu và công trình đường bộ;

c) Bảo dưỡng, lau chùi, hút bụi, vệ sinh, làm sạch định kỳ hệ thống báo hiệu đường bộ, biển báo điện tử, báo hiệu bằng âm thanh, camera phục vụ quản lý, khai thác đường bộ;

d) Lau, hút bụi, làm sạch kết cấu hạ tầng theo định kỳ; bôi mỡ gối cầu thép;

đ) Các trường hợp bảo dưỡng định kỳ đối với các trường hợp khác quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật, tài liệu liên quan đến chỉ dẫn vận hành, khai thác, sử dụng công trình và thiết bị; quy trình bảo trì và các trường hợp cần thiết khác.

4. Giữa hai lần thực hiện bảo dưỡng định kỳ, nếu công trình kết cấu hạ tầng, thiết bị lắp đặt vào công trình kết cấu hạ tầng, thiết bị, công nghệ thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ không bảo đảm tính năng kỹ thuật trong khai thác, sử dụng ảnh hưởng đến việc khai thác sử dụng, thời hạn sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường thì phải bổ sung bảo dưỡng đột xuất.

Trường hợp cần thiết phải tiến hành sửa chữa hoặc các công việc bảo trì khác.

Điều 29 (Đ24 cũ). Các hình thức bảo dưỡng đối với kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Bảo trì theo khối lượng thực tế là việc thực hiện hoạt động bảo trì theo khối lượng công việc thực tế đã thực hiện. Hình thức này được áp dụng đối với các hoạt động bảo trì sau:

a) Sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất;

b) Kiểm tra, kiểm định, quan trắc công trình, hạng mục công trình theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

2. Bảo trì theo chất lượng thực hiện là việc thực hiện hoạt động bảo trì theo các tiêu chí chất lượng, trong một khoảng thời gian với một số tiền nhất định được quy định tại hợp đồng kinh tế. Hình thức này được áp dụng trong hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khi đáp ứng đồng thời các quy định sau:

a) Công trình đường bộ được đầu tư xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật về xây dựng; công trình, hạng mục công trình, thiết bị vận hành khai thác công trình đường bộ chưa hết thời hạn sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Công trình đường bộ được đảm bảo kinh phí thực hiện bảo dưỡng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Đối với các gói thầu, hợp đồng có các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ không đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ vào tình trạng của từng loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và kinh phí được giao để quyết định áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện đối với từng tài sản, từng công việc bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; ưu tiên áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện đối với các công việc bảo dưỡng có thể xây dựng tiêu chí chất lượng phù hợp với kinh phí được giao (các công việc quản lý, công việc bảo dưỡng không sử dụng vật liệu, công việc bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông hoặc các công việc bảo dưỡng khác); các công việc bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ còn lại áp dụng hình thức bảo trì theo khối lượng thực tế.

4. Thời gian hợp đồng bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện không quá 05 năm.

5. Quyết định lựa chọn hình thức bảo trì theo chất lượng thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 3 và quyết định thời hạn hợp đồng bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ:

a) Cơ quan quản lý đường bộ thuộc Bộ Giao thông vận tải quyết định đối với kết cấu hạ tầng sử dụng vốn ngân sách Trung ương thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được giao quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, phân cấp, ủy quyền cho cơ quan quản lý đường bộ trực thuộc, Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đối với kết cấu hạ tầng được giao quản lý;

c) Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng đường bộ quyết định đối với kết cấu hạ tầng đường bộ khác, trừ các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Điều 30 (Đ25 cũ). Ghi chép kết quả bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Đơn vị được giao bảo dưỡng có trách nhiệm ghi chép kết quả bảo dưỡng ngay sau khi hoàn thành công việc bảo dưỡng. Trường hợp công việc bảo dưỡng kéo dài nhiều ngày, thì việc ghi chép kết quả bảo dưỡng được thực hiện sau khi hoàn thành bảo dưỡng một hoặc một số thiết bị, bộ phận, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Nội dung ghi chép kết quả bảo dưỡng, bao gồm:

a) Công trình, hạng mục công trình, thiết bị được bảo dưỡng;

- b) Công việc bảo dưỡng đã thực hiện;
- c) Thời gian bắt đầu và kết thúc công việc bảo dưỡng;
- d) Tóm tắt quá trình thực hiện công việc bảo dưỡng;
- đ) Kết quả thực hiện bảo dưỡng;
- e) Nhận xét về tình trạng công trình kết cấu hạ tầng, thiết bị, công nghệ sau khi bảo dưỡng và các thông tin cần thiết khác.

3. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát nhà thầu thực hiện bảo dưỡng và việc ghi kết quả bảo dưỡng và thực hiện các quy định tại Điều 26 Thông tư này.

Điều 31 (Đ26 cũ). Giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện

1. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện bao gồm:

a) Yêu cầu kỹ thuật chất lượng đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được quy định tại **Phụ lục số VII** ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Quy định về giám sát, nghiệm thu, phương pháp đánh giá, khấu trừ kinh phí hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được quy định tại **Phụ lục số VIII** ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nhà thầu, đơn vị được giao bảo trì kết cấu hạ tầng theo chất lượng thực hiện có trách nhiệm thực hiện theo hợp đồng đã ký, thực hiện các quy định về giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng theo chất lượng thực hiện.

3. Người quản lý, sử dụng đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm quy định tiêu chí giám sát, việc giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện trong hồ sơ mời thầu, hợp đồng; thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu theo quy định của hợp đồng và quy định tại Thông tư này.

MỤC 3.

SỬA CHỮA KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 32 (Đ 27 cũ). Nội dung, trình tự thực hiện sửa chữa công trình kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Sửa chữa công trình kết cấu hạ tầng đường bộ, bao gồm:

a) Việc sửa chữa định kỳ công trình kết cấu hạ tầng đường bộ, thiết bị, công nghệ lắp đặt vào công trình kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm các công việc quy

định tại khoản 4 Điều 35 Luật Đường bộ và quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Sửa chữa đột xuất công trình kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm các công việc quy định tại khoản 5 Luật Đường bộ, và quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Trình tự thực hiện sửa chữa công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định sau:

a) Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị công trình có chi phí nhỏ hơn 500 triệu đồng sử dụng nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước và nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công thì trình tự, thủ tục thực hiện sửa chữa theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

b) Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị công trình có chi phí từ 500 triệu đồng trở lên sử dụng nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước và nguồn vốn nhà nước ngoài đầu tư công thì phải lập, thẩm định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án sửa chữa công trình và thực hiện các công việc khác theo trình tự, thủ tục theo quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

c) Đối với trường hợp công trình đầu tư theo hình thức đối tác công tư đang trong thời hạn hợp đồng do Nhà đầu tư quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình và không sử dụng nguồn vốn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan ký hợp đồng và nhà đầu tư thoả thuận việc áp dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 này để thực hiện sửa chữa định kỳ công trình.

d) Đối với công tác sửa chữa nhỏ quy định trong tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo dưỡng thường xuyên do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố thì thực hiện trong công tác bảo dưỡng thường xuyên và không phải thực hiện trình tự, thủ tục quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

đ) Đối với sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai gây ra đối với kết cấu hạ tầng đường bộ thực hiện theo các quy định tại Điều 38 Luật Đường bộ, pháp luật về phòng, chống thiên tai, pháp luật về xây dựng và quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong lĩnh vực đường bộ.

Điều 33 (Đ28 cũ). Thời sửa chữa định kỳ, thời hạn sử dụng công trình

1. Khi hết thời hạn sử dụng công trình, thiết bị, người quản lý, sử dụng đường bộ phải kiểm tra, đánh giá công trình, thiết bị và lập kế hoạch để thực hiện sửa chữa định kỳ.

2. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình đường bộ (tuổi thọ thiết kế) là khoảng thời gian công trình được dự kiến sử dụng, đảm bảo yêu cầu về an toàn và công năng. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình được quy định

trong quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng, nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình.

Trường hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế công trình không quy định thời hạn dự kiến sử dụng công trình đường bộ phục vụ cho việc xác định thời hạn sửa chữa định kỳ mặt đường thì thời hạn dự kiến sử dụng được xác định theo **Phụ lục IX** ban hành kèm theo Thông tư này hoặc xác định thời hạn sử dụng theo số trục xe tiêu chuẩn tích lũy trong thiết kế so với số trục xe tiêu chuẩn tích lũy trong thời gian khai thác; thời hạn sửa chữa, thay thế định kỳ thiết bị lắp đặt vào công trình, thời hạn sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình khác theo quy định của thiết kế, quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan và quy định về thời gian tính hao mòn tài sản cố định;

3. Thời hạn sử dụng thực tế của công trình (tuổi thọ thực tế) là khoảng thời gian công trình được sử dụng thực tế kể từ khi đưa vào khai thác, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và công năng.

4. Thời hạn sử dụng thực tế của công trình đường bộ thay đổi so với thời hạn sử dụng theo thiết kế khi có các nguyên nhân: tình trạng khai thác, vận hành và sử dụng công trình đường bộ, lưu lượng, tải trọng các phương tiện tham gia giao thông tác động lên công trình, bộ phận công trình đường bộ khác với thiết kế; trong thời gian khai thác xuất hiện các nguyên nhân gây hư hỏng đột xuất; tình hình và kết quả thực hiện công việc quản lý, bảo trì công trình, hạng mục công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình, chất lượng công trình vào khai thác, sử dụng.

5. Trường hợp thời hạn sử dụng thực tế công trình ngắn hơn thời hạn sử dụng theo thiết kế, người quản lý, sử dụng công trình phải tổ chức kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng (nếu cần) để xác định nguyên nhân giảm tuổi thọ và thời hạn sử dụng để có biện pháp sửa chữa, khắc phục;

6. Công trình hết tuổi thọ theo thiết kế nếu tiếp tục sử dụng phải thực hiện các nội dung quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và quy định tại Thông tư này.

Điều 34 (Đ29 cũ). Sử dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; quản lý chất lượng bảo trì công trình; bảo hành công trình

1. Sử dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong bảo trì

a) Việc sử dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khi thực hiện sửa chữa, kiểm tra, kiểm định, quan trắc phải thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng; Luật tiêu chuẩn, quy chuẩn; quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

b) Khi thực hiện công tác bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường phải sử dụng tiêu chuẩn quốc gia về bảo dưỡng công trình đường bộ và các quy định tại điểm a khoản này để thực hiện.

2. Người quyết định đầu tư dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình sửa chữa (sau đây gọi chung là dự án sửa chữa); chủ đầu tư dự án sửa chữa và

Ban Quản lý dự án hoặc tư vấn quản lý dự án sửa chữa; tư vấn khảo sát và lập dự án; tư vấn khảo sát và thiết kế; tư vấn thẩm tra; nhà thầu thi công xây dựng, tổ chức, cá nhân giám sát thi công; tư vấn kiểm định, thí nghiệm; tổ chức, cá nhân thẩm định dự án, thẩm định thiết kế và tổ chức, cá nhân khác có liên quan khác có trách nhiệm đối với quản lý chất lượng công tác sửa chữa theo quy định của Luật Xây dựng, quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nhà thầu, đơn vị thực hiện quản lý, vận hành, khai thác sử dụng vào bảo dưỡng công trình chịu trách nhiệm về chất lượng bảo dưỡng theo Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, Tiêu chí giám sát, nghiệm thu quy định tại Điều 26 Thông tư này và hợp đồng bảo trì.

4. Người quản lý, sử dụng công trình, tổ chức, cá nhân được giao có trách nhiệm căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, Tiêu chí giám sát, nghiệm thu quy định tại Điều 26 Thông tư này và hợp đồng bảo trì để kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng thực hiện của nhà thầu, đơn vị được giao trong việc thực hiện quản lý, vận hành, khai thác sử dụng vào bảo dưỡng công trình; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng và nghiệm thu kết quả thực hiện.

5. Quản lý chất lượng công tác bảo trì đối với công trình đầu tư xây dựng và quản lý khai thác theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và các quy định sau:

a) Việc phân định trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết thực hiện hợp đồng dự án đối tác công tư và doanh nghiệp dự án đối với công tác quản lý chất lượng bảo trì thực hiện theo quy định tại Thông tư này, quy định tại hợp đồng dự án;

b) Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đối tác công tư tổ chức kiểm tra doanh nghiệp dự án trong việc thực hiện công tác bảo trì để đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện vi phạm chất lượng, vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì công trình đã được duyệt thì xử lý theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định trong hợp đồng dự án.

Trường hợp vi phạm chất lượng trong giai đoạn vận hành khai thác, bảo trì công trình đường bộ theo tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì hoặc vi phạm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình, nhưng không được khắc phục kịp thời, cơ quan ký kết hợp đồng dự án quyết định tạm dừng thu dịch vụ sử dụng đường bộ cho đến khi hoàn thành việc khắc phục vi phạm. Thời gian dừng thu phí dịch vụ không được bổ sung vào thời hạn thu phí dịch vụ của hợp đồng.

Trường hợp hư hỏng dẫn đến nguy cơ sự cố, sập, đổ công trình ảnh hưởng tới sự an toàn trong khai thác, sử dụng, cơ quan ký kết hợp đồng quyết định tạm dừng khai thác, sử dụng công trình cho đến khi các hư hỏng được khắc phục.

6. Các quy định về bảo trì của Luật Xây dựng, quy định của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng được thực

hiện đối với công tác sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất công trình; lắp đặt, thay thế thiết bị, công nghệ có liên quan.

MỤC 4.

XỬ LÝ ĐIỂM HAY XẢY RA TAI NẠN GIAO THÔNG, ĐIỂM TIỀM ẨN TAI NẠN GIAO THÔNG

Điều 35 (Đ30 cũ). Tiêu chí và hồ sơ xác định điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ và điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ

1. Tiêu chí và hồ sơ xác định điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ:

a) Tiêu chí xác định điểm hay xảy ra tai nạn giao thông là trường hợp trong thời gian 12 tháng xảy ra tai nạn giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau: Xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông có người chết; Xảy ra 03 vụ tai nạn trở lên, trong đó có 01 vụ có người chết; Xảy ra 04 vụ tai nạn trở lên, nhưng chỉ có người bị thương.

b) Hồ sơ điểm hay xảy ra tai nạn giao thông bao gồm: Hồ sơ các vụ tai nạn giao thông được lưu giữ tại đơn vị quản lý đường bộ hoặc hồ sơ các vụ tai nạn giao thông do cơ quan công an cung cấp; Bảng thống kê tai nạn có ghi lý trình, số vụ tai nạn, thiệt hại, đánh giá nguyên nhân kèm kiến nghị sơ bộ giải pháp khắc phục; Bản vẽ sơ đồ khu vực điểm đen, ảnh chụp khu vực điểm đen và các tài liệu liên quan.

2. Tiêu chí và hồ sơ xác định điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ

a) Tiêu chí xác định điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông là hiện trạng công trình đường bộ, hiện trạng khu vực và tình hình tai nạn giao thông xảy ra trong thời gian 12 tháng, thuộc một trong các trường hợp sau: Hiện trạng công trình đường bộ, hiện trạng tổ chức giao thông và xung quanh vị trí có yếu tố gây mất an toàn giao thông; Xảy ra 05 vụ va chạm trở lên hoặc có ít nhất 01 vụ tai nạn nhưng chỉ có người bị thương.

b) Hồ sơ điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông gồm: Hồ sơ các vụ va chạm giao thông được lưu giữ tại tổ chức quản lý đường bộ hoặc do cơ quan công an cung cấp; Bảng thống kê va chạm, tai nạn giao thông có ghi lý trình, số vụ va chạm, tai nạn, thiệt hại; đánh giá nguyên nhân kèm kiến nghị sơ bộ giải pháp khắc phục; Sơ đồ hiện trạng công trình đường bộ, tổ chức giao thông, ảnh chụp khu vực và các tài liệu liên quan.

Điều 36 (Đ31 cũ). Trình tự xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ

1. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm theo dõi, thống kê các vụ tai nạn, va chạm giao thông đường bộ, mức độ nghiêm trọng ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe người tham gia giao thông, thiệt hại đối với kết cấu hạ tầng và phương tiện tham gia giao thông; tình hình trật tự, an toàn giao thông đường

bộ hàng năm; Tiếp nhận, xử lý các thông tin của Lực lượng Công an, Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ trên tuyến; thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân khác về tình hình tai nạn giao thông trên đường bộ để thống kê và thực hiện xử lý theo quy định; tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trường và đối chiếu với quy định tại Điều 30 Thông tư này để lập hồ sơ điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ; điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ.

2. Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ thực hiện bổ sung các bước sau phục vụ cho việc đánh giá nguyên nhân tai nạn, va chạm giao thông và xác định điểm hay xảy ra tai nạn và điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ:

a) Kiểm tra hiện trường, đối chiếu, bổ sung các đặc trưng của hiện trường: tình hình giao thông tại nút giao thông; phương án tổ chức giao thông; kiểm tra các yếu tố kỹ thuật về tầm nhìn, bán kính đường cong bằng, bán kính đường cong đứng, độ dốc, chỉ số gồ ghề, tình trạng nhám mặt đường, độ dốc siêu cao, các yếu tố kỹ thuật khác; hành lang an toàn đường bộ; phác họa sơ đồ, chụp ảnh hiện trường; kiểm tra đánh giá, xác định lưu lượng, thành phần xe, tình trạng giao thông và người đi bộ; kiểm tra về tình hình thời tiết, khí hậu và các yếu tố môi trường xung quanh ảnh hưởng đến an toàn giao thông và các thông tin cần thiết khác;

b) Căn cứ kết quả thị sát và hồ sơ hiện trường đã thu thập được, tiến hành xây dựng bản sơ đồ mặt bằng (các vụ tai nạn hoặc mặt bằng hiện trạng khu vực) theo tỷ lệ 1: 200 thể hiện các đặc điểm chính của hiện trường: nút giao, tổ chức giao thông, môi trường tự nhiên - xã hội hai bên đường (đồi núi, đồng ruộng, cây xanh, nhà cửa, công sở, trường học, khu dân cư, khu công nghiệp) và sơ đồ các vụ tai nạn. Tiến hành phân tích từng vị trí để đánh giá tình hình, xác định nguyên nhân tai nạn giao thông đường bộ.

c) Căn cứ vào các nguyên nhân đã xác định tại điểm a và b khoản này, người quản lý, sử dụng đường bộ lập đề xuất khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ.

4. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật điểm hay xảy ra tai nạn, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ, quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan và quy định sau:

a) Đối với điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, sau khi xác định đủ tiêu chí phải thực hiện ngay để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

b) Đối với điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ nằm ngoài kế hoạch bảo trì, cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch bảo trì quyết định cho phép thực hiện ngay nếu cần thiết để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định đối với dự án sửa chữa đột xuất công trình.

5. Thẩm quyền cho phép chuẩn bị đầu tư và duyệt dự án (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) công trình khắc phục điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ:

a) Cơ quan quản lý đường bộ đối với quốc lộ và đường khác được Bộ Giao thông vận tải giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp, uỷ quyền cho Sở Giao thông vận tải quyết định đối với tuyến đường bộ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

d) Người quản lý, sử dụng đường bộ đối với tuyến đường đầu tư theo hình thức đối tác công tư quyết định sau khi có thoả thuận của Cơ quan ký hợp đồng dự án.

đ) Các trường hợp khác do chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình quyết định phù hợp quy định của Luật Đường bộ, quy định của Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

MỤC 5.

XỬ LÝ CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ CÓ DẤU HIỆU NGUY HIỂM, KHÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO KHAI THÁC, SỬ DỤNG, CÔNG TRÌNH HẾT THỜI HẠN KHAI THÁC SỬ DỤNG, GIẢI QUYẾT SỰ CỐ CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ TRONG THỜI GIAN KHAI THÁC SỬ DỤNG

Điều 37 (Đ32 cũ). Trách nhiệm xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng đường bộ, nhà thầu bảo dưỡng và vận hành khai thác công trình đường bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo trì công trình đường bộ có trách nhiệm:

a) Khi phát hiện công trình, bộ phận công trình đường bộ có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng phải thực hiện các công việc: kiểm tra lại hiện trạng công trình; tổ chức kiểm định chất lượng công trình (nếu thấy cần thiết); quyết định các biện pháp khẩn cấp như hạn chế sử dụng công trình, hạn chế tải trọng, hạn chế tốc độ, ngừng khai thác sử dụng công trình, di chuyển người, phương tiện giao thông và tài sản để đảm bảo an toàn nếu công trình có nguy cơ sập đổ; báo cáo ngay với chính quyền địa phương nơi gần nhất; sửa chữa những hư hỏng có nguy cơ làm ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, an toàn vận hành của công trình. Trường hợp không xử lý kịp thời, gây thiệt hại về người và tài sản thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với quốc lộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải, đường bộ đầu tư theo hình thức đối tác công tư mà Bộ Giao thông vận tải là cơ quan ký hợp đồng ngoài việc báo cáo chính quyền địa phương nơi gần nhất, còn phải báo

cáo ngay Bộ Giao thông vận tải, cơ quan quản lý đường bộ thuộc Bộ Giao thông vận tải.

Trường hợp cần phá dỡ công trình phải báo cáo cấp có thẩm quyền và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Phối hợp với chính quyền địa phương và thực hiện các công việc quy định tại Điều 40 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và điểm a khoản này.

2. Mọi cá nhân, tổ chức đều có quyền thông báo cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, cơ quan quản lý nhà nước hoặc các phương tiện thông tin đại chúng biết khi phát hiện bộ phận công trình, công trình đường bộ xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng để xử lý kịp thời.

Điều 38 (Đ33 cũ). Nội dung xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng; công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế; phá dỡ công trình

1. Việc xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều 28 Thông tư này.

2. Phá dỡ công trình đường bộ thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ; quy định của Điều 42 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 39 (Đ34 cũ). Xử lý sự cố công trình kết cấu hạ tầng đường bộ trong thời gian khai thác sử dụng

1. Cấp sự cố công trình, báo cáo sự cố công trình, giải quyết sự cố công trình, giám định nguyên nhân sự cố công trình và hồ sơ sự cố công trình thực hiện theo quy định tại các Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46 và Điều 47 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

2. Đối với trường hợp sự cố công trình trong thời gian thực hiện thực hiện dự án đầu tư xây dựng, dự án sửa chữa công trình, Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, người quản lý, sử dụng đường bộ và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm giải quyết sự cố công trình đường bộ theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đối với công trình có sự cố. Đối với trường hợp sự cố công trình đường bộ đang khai thác, sử dụng nhưng không thuộc trường hợp trên, cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ, nhà thầu quản lý bảo dưỡng thường xuyên và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm giải quyết sự cố công trình đường bộ theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đối với công trình có sự cố.

3. Khi có sự cố công trình trên hệ thống đường quốc lộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải, ngoài việc thực hiện báo cáo sự cố công trình theo

quy định tại Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình đường bộ, nhà thầu bảo trì đường bộ, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ phải báo cáo ngay cho Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Thời gian báo cáo, nội dung báo cáo theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 44, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

MỤC 6.

KIỂM TRA, QUAN TRẮC, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 40 (Đ35 cũ). Kiểm tra công trình kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Kiểm tra tình trạng kỹ thuật, chất lượng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ (sau đây gọi tắt là công trình) để nhận xét, đánh giá về chất lượng công trình đường bộ, phục vụ quản lý, khai thác sử dụng vào bảo trì đường bộ và được quy định như sau:

a) Việc kiểm tra tình trạng kỹ thuật, chất lượng công trình có thể bằng trực quan, bằng các số liệu quan trắc thường xuyên (nếu có) hoặc bằng thiết bị kiểm tra chuyên dụng khi cần thiết.

b) Kiểm tra công trình tình trạng kỹ thuật, chất lượng công trình bao gồm kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì được duyệt; kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình.

2. Kiểm tra công trình thông qua công tác tuần đường; công tác tuần kiểm đường bộ; kiểm tra trong công tác bảo dưỡng công trình; kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai; kiểm tra của các cơ quan, tổ chức sau: nhà thầu bảo trì; người quản lý, sử dụng đường bộ; cơ quan quản lý đường bộ; cơ quan nhà nước có thẩm quyền và của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 41 (Đ36 cũ). Quan trắc công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.

1 Quan trắc công trình kết cấu hạ tầng đường bộ là hoạt động theo dõi, đo đạc, ghi nhận sự biến đổi về hình học, biến dạng, chuyển vị và các thông số kỹ thuật khác của công trình và môi trường xung quanh theo thời gian.

2. Danh mục công trình đường bộ bắt buộc phải quan trắc trong quá trình khai thác sử dụng quy định tại **Phụ lục X** ban hành kèm theo Thông tư này. Quan trắc công trình, bộ phận công trình đường bộ được thực hiện theo nhiệm vụ quan trắc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền duyệt dự án bảo trì phê duyệt phù hợp với Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Các bộ phận công trình cần được quan trắc bao gồm các kết cấu chịu lực chính của công trình mà khi bị hư hỏng có thể dẫn đến sập đổ công trình (kết cấu nhịp cầu; móng và trụ cầu có chiều cao lớn; trụ tháp cầu treo; vỏ hầm).

4. Nội dung quan trắc đối với các công trình quy định tại **Phụ lục X** ban hành kèm theo Thông tư này được quy định trong quy trình bảo trì, gồm: các vị trí quan trắc, thông số quan trắc và giá trị giới hạn của các thông số này (biên dạng nghiêng, lún, nứt, chuyển vị, võng), thời gian quan trắc, số lượng chu kỳ đo và các nội dung cần thiết khác.

5. Trước khi quan trắc, nhà thầu quan trắc phải khảo sát, lập phương án quan trắc, khối lượng và các yêu cầu cần quan trắc nhằm bảo đảm mục đích, yêu cầu của việc quan trắc. Phương án quan trắc phù hợp với các nội dung quan trắc; trong đó quy định về phương pháp đo, thiết bị đo, sơ đồ bố trí và cấu tạo các mốc quan trắc, tổ chức thực hiện, phương pháp xử lý số liệu đo và các nội dung cần thiết khác.

Nhà thầu quan trắc phải thực hiện quan trắc theo phương án quan trắc được phê duyệt và báo cáo người quản lý, sử dụng công trình đường bộ về kết quả quan trắc, số liệu quan trắc phải được so sánh, đánh giá với giá trị giới hạn do nhà thầu thiết kế xây dựng công trình quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng.

Trường hợp số liệu quan trắc vượt giá trị giới hạn cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ phải tổ chức đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng và có biện pháp xử lý kịp thời.

6. Tổ chức, cá nhân thực hiện quan trắc công trình phải lập báo cáo kết quả quan trắc.

Điều 42 (Đ37 cũ). Kiểm định chất lượng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ.

1. Kiểm định chất lượng công trình đường bộ là hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, giá trị, thời hạn sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình đường bộ hoặc công trình đường bộ thông qua quan trắc, thí nghiệm kết hợp với việc tính toán, phân tích.

2. Kiểm định chất lượng công trình đường bộ phục vụ công tác bảo trì được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định phải lập báo cáo kết quả kiểm định.

Điều 43 (Đ38 cũ). Đánh giá an toàn công trình

1. Trình tự thực hiện đánh giá an toàn công trình, nội dung đánh giá an toàn công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Đối với việc đánh giá khả năng làm việc của các kết cấu chịu lực và các bộ phận công trình đường bộ có nguy cơ gây mất an toàn được thực hiện thông qua công tác kiểm tra và các công việc quy định tại Điều 4 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; đối với kiểm tra, đánh giá các điều kiện vận hành, khai thác công trình đường bộ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm đánh giá và xác nhận kết quả đánh giá an toàn công trình đường bộ

a) Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá an toàn công trình đường bộ theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Việc xác nhận kết quả đánh giá an toàn công trình đường bộ thực theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

3. Tổ chức đủ điều kiện thực hiện đánh giá an toàn công trình đường bộ là tổ chức kiểm định đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với phà, phương tiện, thiết bị vượt sông thì tổ chức đủ điều kiện đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về kiểm định phương tiện; đối với việc đánh giá an toàn cháy nổ thì tổ chức đủ điều kiện thực hiện đánh giá an toàn theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Thời hạn đánh giá an toàn công trình thực hiện theo quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác công trình được duyệt; yêu cầu của chủ sở hữu, người quản lý sử dụng công trình hoặc quy định của nhà sản xuất cung ứng thiết bị lắp đặt vào công trình.

5. Danh mục các công trình đường bộ phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đường bộ quy định tại **Phụ lục XI** ban hành kèm theo Thông tư này.

CHƯƠNG V

CẤP GIẤY PHÉP VÀ THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ ; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN THIẾT KẾ VÀ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐÁU NỐI VÀO QUỐC LỘ ĐANG KHAI THÁC

MỤC 1.

CẤP GIẤY PHÉP VÀ THI CÔNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 44 (Đ39 cũ). Trường hợp cấp giấy phép thi công trên đường bộ đang khai thác

Trừ các trường hợp thi công trên đường bộ đang khai thác không phải cấp giấy phép thi công quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Đường bộ, việc thi công

xây dựng, lắp đặt công trình biển quảng cáo, biển cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng kỹ thuật (sau đây gọi chung là công trình hạ tầng kỹ thuật) trong phạm vi kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cấp giấy phép thi công trước khi thực hiện đối với các trường hợp sau:

1. Xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển cổ động tuyên truyền chính trị quy định tại Điều 18 Luật Đường bộ;

2. Xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật quy định tại Điều 19 Luật Đường bộ, gồm: công trình quốc phòng, an ninh; công trình thông tin, viễn thông, đường dây tải điện, dây dẫn điện, cột viễn thông, trạm thu phát sóng di động, cột điện; công trình cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước, trừ nhà máy nước, nhà máy sản xuất năng lượng; công trình thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, thủy điện; băng tải phục vụ sản xuất, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình đặc biệt khác; tuyến đường khác giao cắt, **đầu nối** hoặc đi song song với đường bộ hiện hữu.

3. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ quy định tại Điều 20 Luật Đường bộ.

Điều 45 (Đ40cũ). Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác[16]

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, mẫu đơn gia hạn giấy phép thi công theo quy định tại **Phụ lục XII** ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản chấp thuận xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 18 và khoản Điều 19 Luật Đường bộ và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ; văn bản chấp thuận đầu nối vào đường bộ đang khai thác;

c) Bản vẽ và thuyết minh biện pháp thi công, biện pháp tổ chức giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

d) Hồ sơ, bản vẽ thiết kế công trình xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Hồ sơ, bản vẽ thiết kế công trình xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ là một trong các hồ sơ, bản vẽ đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng: hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Thành phần hồ sơ, bản vẽ bao gồm:

a) Các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ tại nơi xây dựng công trình thiết yếu; bản vẽ thể hiện diện tích, kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; bản vẽ thể hiện mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình ~~thiết yếu~~

đề nghị cấp phép đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình **thiết yếu** đề nghị cấp phép; thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ bị đào hoặc ảnh hưởng do thi công công trình **thiết yếu** đề nghị cấp phép;

b) Đối với công trình **thiết yếu** đề nghị cấp phép xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a khoản này phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình **thiết yếu** đề nghị cấp phép đến bề mặt dải phân cách giữa và đến mép ngoài dải phân cách giữa;

c) Công trình **thiết yếu** đề nghị cấp phép lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác ngoài hồ sơ quy định tại điểm a khoản này phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và kết quả tính toán khả năng chịu lực của công trình đường bộ trong trường hợp được lắp đặt công trình đề nghị cấp phép;

3. Đối với công trình thi công đầu nối đường khác và đường bộ đang khai thác hồ sơ gồm thiết kế bản vẽ thi công nút giao đầu nối, phương án tổ chức giao thông và công trình báo hiệu đường bộ tại nút giao đầu nối khi đưa công trình vào khai thác; phương án thi công và biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công xây dựng nút giao; các nội dung cần thiết khác.

4. Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, hồ sơ đề nghị theo quy định của Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ.

Điều 46 (Đ40.A cũ). Thẩm quyền cấp giấy phép thi công trên đường bộ đang khai thác, trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính và thời hạn cấp giấy phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Thẩm quyền cấp giấy phép

a) Khu Quản lý đường bộ thuộc Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép đối với quốc lộ, đường khác được giao quản lý; đường bộ đầu tư theo hình thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan ký hợp đồng; đường bộ Nhà nước giao Doanh nghiệp thuộc Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp để đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh khai thác, bảo trì.

b) Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép đối với quốc lộ, đường tỉnh và đường khác được giao quản lý; đường bộ đang trong thời hạn hợp đồng đối tác công tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan ký hợp đồng.

c) Cơ quan quản lý đường bộ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp qua bộ phận một cửa của cơ quan cấp giấy phép, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

3. Cơ quan cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

c) Cơ quan cấp giấy phép giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì ~~có văn bản chấp thuận xây dựng công trình và cấp giấy phép thi công công trình; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình~~ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Trường hợp không chấp thuận, không cấp giấy phép, không chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

d) Mẫu giấy phép thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định tại **Phụ lục XIII** ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thời hạn cấp giấy phép thi công xây dựng công trình, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình:

a) Không quá 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Không quá 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (không tính thời gian kiểm tra hiện trường) đối với chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình điện từ 35 kV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ. Trường hợp phải kiểm tra hiện trường thì thời hạn chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công không quá 10 ngày làm việc.

6. Cơ quan cấp giấy phép thi công xây dựng công trình quy định tại khoản **1 Điều này** trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, tham gia nghiệm thu và tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu.

Điều 47 (Đ40B cũ). Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình **xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ**

a) Thực hiện quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

b) Tổ chức thi công xây dựng, kiểm tra, giám sát thi công và các công việc khác theo văn bản được chấp thuận xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, giấy phép thi công được cấp, thực hiện các biện pháp thi công, phương án tổ chức giao thông, bảo đảm an toàn giao thông theo quy định của giấy phép thi công; bảo đảm tiến độ thi công, chất lượng công trình, an toàn và bảo vệ môi trường trong thời gian thi công xây dựng;

c) Hoàn trả công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do việc thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

d) Thực hiện bảo hành đối với các hạng mục thi công hoàn trả công trình kết cấu hạ tầng đường bộ. Thời gian bảo hành, mức tiền bảo hành và các yêu cầu khác về bảo hành thực hiện theo quy định của Điều 35 và Điều 36 Nghị định 46/2015/NĐ-CP. Số tiền bảo hành chỉ được trả cho nhà thầu thi công xây dựng công trình thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng sau khi có văn bản xác nhận hết bảo hành của chủ đầu tư và cơ quan quản lý đường bộ đã thực hiện cấp phép.

đ) Nộp bản vẽ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ, bổ sung, cập nhật vào hồ sơ quản lý, bảo trì đường bộ.

2. Trách nhiệm của chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

a) Quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì công trình theo quy định, đảm bảo an toàn công trình;

b) Không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, các công trình xung quanh và công tác bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn khi thực hiện việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu;

d) Đề nghị cấp giấy phép thi công khi sửa chữa công trình xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trước khi thực hiện sửa chữa, trừ các trường hợp không phải cấp giấy phép thi công quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Đường bộ.

Điều 48 (Đ41 cũ). Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng

1. Trường hợp xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ thì phải thực hiện theo quy định về xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

với đường bộ của pháp luật đường bộ, pháp luật về xây dựng và quy định tại Thông tư này.

2. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật có văn bản đề nghị và hồ sơ thiết kế kỹ thuật của công trình xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ. Trường hợp có liên quan đến kết cấu chịu lực, an toàn công trình thì hồ sơ gửi phải bao gồm cả tài liệu tính toán, kiểm tra khả năng chịu lực, tài liệu về biện pháp an toàn công trình trong xây dựng và trong quá trình khai thác, sử dụng.

3. Chủ đầu tư đầu tư xây dựng công trình đường bộ kiểm tra, xem xét các điều kiện bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn công trình trong giai đoạn vận hành, khai thác sử dụng, bảo đảm các quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về phòng, chống cháy, nổ và pháp luật khác có liên quan. Nếu đủ điều kiện, chủ đầu tư xây dựng công trình đường bộ có văn bản thông nhất gửi chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Trường hợp có cần phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu để bảo đảm an toàn trong xây dựng, an toàn trong giai đoạn vận hành, khai thác sử dụng, chủ đầu tư xây dựng công trình đường bộ thông báo cho chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Trường hợp cần thiết chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phải thuê thẩm tra an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ và thực hiện các biện pháp cần thiết khác trước khi thực hiện để bảo đảm an toàn trong thời gian xây dựng và trong khai thác sử dụng các công trình này.

5. Chi phí phát sinh do xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ do chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật chịu trách nhiệm, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác, hoặc chủ đầu tư xây dựng công trình đường bộ chi trả đối với trường hợp xây dựng công trình quốc phòng, an ninh trong phạm vi dự án xây dựng đường bộ.

6. Trường hợp xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật nằm ngoài phạm vi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ thì thực hiện theo các quy định tại **Thông** tư này.

MỤC 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN THIẾT KẾ VÀ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ ĐANG KHAI THÁC

Điều 49 (BS mới). Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ và đường tỉnh

1. Trước khi đầu tư xây dựng nút giao mới, đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng nút giao, chủ đầu tư lập, gửi thiết kế cơ sở trong dự án đầu tư nút giao hoặc thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của nút giao đến cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này để thỏa thuận thiết kế nút giao đầu nối.

2. Cơ quan thỏa thuận thiết kế nút giao gồm:

a) Cơ quan quản lý đường bộ thuộc Bộ Giao thông vận tải đối với đường cao tốc được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, đường cao tốc do Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư theo hình thức đối tác công tư và đường cao tốc do Doanh nghiệp đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng thuộc Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ mà mình được giao quản lý, khai thác, sử dụng;

c) Sở Giao thông vận tải đối với đường tỉnh, quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo **mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;**

b) Quy hoạch, danh mục các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 29 Nghị định này;

c) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) quyết định chủ đầu tư xây dựng nút giao;

d) Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định sau.

a) Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện;

c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối và phương án tổ chức giao thông khi thi công nút giao đầu nối; phương án tổ chức giao thông sau khi hoàn thành xây dựng nút giao đầu nối. Trường hợp không chấp thuận, không cấp giấy phép, không chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

6. Các trường hợp không phải thoả thuận thiết kế nút giao đầu nối, bao gồm:

a) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Bộ Giao thông vận tải, Cơ quan quản lý đường bộ trực thuộc quyết định đầu tư có đầu nối vào cao tốc, đường quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ;

b) Dự án xây dựng đường bộ do Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan quản lý đường bộ trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án có đầu nối vào đường tỉnh, đường quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ.

7. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký ban hành, nếu quá 12 tháng phải thực hiện việc gia hạn.

8. Quá thời hạn quy định tại khoản 7 Điều này mà chủ đầu tư xây dựng công trình chưa triển khai thi công thì phải thực hiện gia hạn văn bản chấp thuận. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu tại **Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;**

b) Thời gian giải quyết: trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị gia hạn;

c) Thời gian gia hạn: chỉ thực hiện việc gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng;

d) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 50 (BS mới). Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ đang khai thác

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đầu nối bao gồm:

a) Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải đối với quốc lộ mà mình được giao quản lý thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ;

b) Sở Giao thông vận tải đối với quốc lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ;

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu **tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.**

b) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công / (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

d) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

3. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định sau.

a) Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ.

c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công đầu nối theo mẫu quy định tại **Phụ lục XV** Thông tư này. Trường hợp không chấp thuận, không cấp giấy phép, không chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Thời hạn giải quyết trong 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

6. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

7. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

8. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu đề xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

Điều 51 Cung cấp thông tin và phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thi công trên đường đang khai thác, thi công nút giao đầu nối

1. Công khai thông tin về thời gian và các nội dung thi công công trình trên đường bộ đang khai thác trước khi bắt đầu thi công ít nhất là 07 ngày và được thực hiện theo quy định sau:

a) Công khai thông tin bằng biển báo thông tin tên chủ đầu tư, nhà thầu thi công, đơn vị giám sát, cơ quan cấp giấy phép thi công, thời gian bắt đầu thi công, thời hạn kết thúc theo Giấy phép thi công tại nơi xây dựng công trình;

b) Thông báo đến Cơ quan cấp giấy phép, cơ quan Công an làm nhiệm vụ chỉ huy điều hành giao thông trên tuyến, người quản lý, sử dụng đường bộ đối với tuyến đường;

c) Thông báo các nội dung tại Điểm a khoản này trên VOV giao thông đối với quốc lộ, đường tỉnh, đường đô thị thuộc phạm vi quản lý của cơ quan quản lý đường bộ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thông báo các nội dung tại Điểm a khoản này đến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các đường khác

2. Công bố công khai ít nhất 07 ngày các thông tin về giao thông trước khi thực hiện phương án tổ chức giao thông, phương án phân làn, phân luồng, điều chỉnh tuyến giao thông trên các phương tiện và gửi thông báo các cơ quan theo quy định tại khoản 1 Điều này .

3. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép có trách nhiệm :

a) Thực hiện cung cấp và đăng tải thông tin theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này;

b) Chấp hành giấy phép thi công, phương án tổ chức giao thông;

c) Tổ chức thi công và bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt, bảo vệ công trình, bảo đảm trường và các quy định khác.

4. Cơ quan cấp giấy phép, người quản lý sử dụng đường bộ:

a) Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tổ chức giao thông, bảo đảm trật tự an toàn giao thông khi thi công;

c) Xử lý vi phạm của người được cấp giấy phép thi công, nhà thầu thi công và tổ chức, cá nhân vi phạm; quyết định tạm đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép thi công nếu cần thiết.

d) Phối hợp với cơ quan Công an chỉ huy điều hành giao thông trên tuyến trong việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

đ) Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường và tổ chức giao thông.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52 (Đ44). Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tháng ... năm ...
2. Các thông tư sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:
 - a) Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;
 - b) Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;
 - c) Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 1 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;
 - d) Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
 - đ) Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;
 - đ) Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;
 - e) Thông tư số 26/2012/TT-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về việc xác định và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường bộ đang khai thác;

Điều 53 (Đ45 cũ). Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường cao tốc Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Giám đốc Sở Giao thông vận tải, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 45;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban và Ban thuộc Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Lưu VT, KCHTGT ()

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Văn Thắng**